

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026

BẢN SO SÁNH DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI) VỚI LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
1.	CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	
	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1. Luật này quy định về hộ tịch; quyền, nghĩa vụ, nguyên tắc, thẩm quyền, thủ tục đăng ký hộ tịch; Cơ sở dữ liệu hộ tịch và quản lý nhà nước về hộ tịch. 2. Thẩm quyền, thủ tục giải quyết các việc về quốc tịch, nuôi con nuôi được thực hiện theo quy định của Luật quốc tịch Việt Nam, Luật nuôi con nuôi, trừ trường hợp Luật này có quy định khác.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Luật này quy định về hộ tịch; quyền, nghĩa vụ, nguyên tắc, thẩm quyền, phương thức thực hiện đăng ký hộ tịch; Cơ sở dữ liệu hộ tịch và quản lý nhà nước về hộ tịch.	Lược bỏ nội dung “thủ tục đăng ký hộ tịch” để phù hợp với quan điểm xây dựng Luật theo Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới (Luật chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt,

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
			kip thời, phù hợp với thực tiễn). Lược bỏ khoản 2, bởi vì dự thảo Luật không có quy định khác quy định tại Luật Quốc tịch Việt Nam, Luật Nuôi con nuôi
	Điều 2. Hộ tịch và đăng ký hộ tịch 1. Hộ tịch là những sự kiện được quy định tại Điều 3 của Luật này, xác định tình trạng nhân thân của cá nhân từ khi sinh ra đến khi chết. 2. Đăng ký hộ tịch là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các sự kiện hộ tịch của cá nhân, tạo cơ sở pháp lý để Nhà nước bảo hộ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, thực hiện quản lý về dân cư.		Lược bỏ do gộp vào Điều giải thích từ ngữ. Kế thừa quy định hiện hành, bổ sung cụm từ “cập nhật vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch” để phù hợp với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động đăng ký, quản lý hộ tịch, lược bỏ một số cụm từ “tạo cơ sở pháp lý để Nhà nước bảo hộ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, thực hiện quản lý về dân cư” bảo đảm ngắn gọn, xúc tích.
		Điều 2. Giải thích từ ngữ <i>Trong Luật này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</i> <i>1. Hộ tịch là những sự kiện xác định tình trạng nhân thân của cá nhân từ khi sinh ra đến khi chết, được quy định tại</i>	- Kế thừa một số quy định hiện hành - Sửa đổi một số quy định: + Sửa đổi quy định về cơ quan đăng ký hộ tịch tại khoản 1 để bảo đảm phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; + Sửa đổi quy định về Cơ sở dữ liệu hộ

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
		<i>Điều 3 của Luật này.</i> <i>2. Đăng ký hộ tịch là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, ghi vào Sổ hộ tịch, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch các sự kiện, thông tin hộ tịch của cá nhân.</i> <i>3. Cơ quan đăng ký hộ tịch là Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã); Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi là Cơ quan đại diện).</i> <i>4. Cơ sở dữ liệu hộ tịch là tập hợp có cấu trúc các thông tin hộ tịch của cá nhân được đăng ký, xác thực và lưu giữ bằng phương tiện điện tử, thông qua việc đăng ký hộ tịch, số hóa dữ liệu hộ tịch lịch sử, có tính vĩnh viễn và liên tục, được vận hành trên môi trường mạng.</i> <i>5. Sổ hộ tịch bao gồm sổ giấy và sổ điện</i>	tịch tại khoản 2 để bảo đảm phù hợp với chính sách 2 của Luật Hộ tịch (sửa đổi) đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 09/01/2026. + Lược bỏ cụm từ “sổ giấy” tại khoản 3 để bảo đảm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc lập quản lý sổ, giảm bớt gánh nặng cho công chức thực hiện công tác hộ tịch. + Bổ sung quy định về giấy tờ hộ tịch tại khoản 4, không quy định riêng về Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn để bảo đảm thống nhất. + Sửa đổi tên văn bản “Trích lục hộ tịch” trước đây thành “Văn bản xác nhận hộ tịch” để bảo đảm phù hợp, chính xác với việc đăng ký hộ tịch là “việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, ghi vào Sổ hộ tịch, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch các sự kiện, thông tin hộ tịch của cá nhân”. + Quy định mở rộng phạm vi thay đổi hộ tịch theo hướng gộp các việc thay

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
		<i>tử để xác nhận hoặc ghi các sự kiện, thông tin hộ tịch quy định tại Điều 4 của Luật này.</i> 6. Giấy tờ hộ tịch là kết quả giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hộ tịch, do cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch có thẩm quyền cấp, xác nhận gồm: a) Giấy khai sinh là giấy tờ hộ tịch đầu tiên, do cơ quan đăng ký hộ tịch cấp khi đăng ký khai sinh cho cá nhân; nội dung Giấy khai sinh bao gồm các thông tin cơ bản quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật này. b) Giấy chứng nhận kết hôn là giấy tờ hộ tịch do cơ quan đăng ký hộ tịch cấp cho hai bên nam, nữ khi đăng ký kết hôn; nội dung Giấy chứng nhận kết hôn bao gồm các thông tin cơ bản quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật này. c) Giấy chứng tử là giấy tờ hộ tịch do cơ quan đăng ký hộ tịch cấp khi đăng ký	đổi, cải chính hộ tịch, điều chỉnh thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc, bổ sung thông tin hộ tịch thành 01 thủ tục thay đổi hộ tịch. Vì bản chất các việc thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc trước đây đều dẫn đến kết quả thông tin hộ tịch của cá nhân có thay đổi so với thông tin ban đầu, ngoài ra để được thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc thì người yêu cầu phải cung cấp được chứng cứ chứng minh. Bổ sung việc điều chỉnh thông tin hộ tịch để có căn cứ pháp lý thực hiện điều chỉnh thông tin của cha, mẹ hoặc người giám hộ... trong Giấy khai sinh, văn bản xác nhận đăng ký cha, mẹ, con, văn bản xác nhận giám hộ... khi thông tin của những người này có sự thay đổi. + Bổ sung quy định người làm công tác hộ tịch để phù hợp với quy định về tổ chức bộ máy, pháp luật cán bộ, công chức. + Lược bỏ các quy định về: (i) cải chính,

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
		<i>khai tử cho cá nhân; nội dung Giấy chứng tử bao gồm các thông tin cơ bản quy định tại khoản 4 Điều 20 của Luật này.</i> <i>d) Văn bản xác nhận hộ tịch là giấy tờ hộ tịch do cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch cấp khi đăng ký, ghi vào sổ hộ tịch, cập nhật trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch các thông tin, sự kiện hộ tịch khác của cá nhân.</i> <i>7. Thay đổi thông tin hộ tịch là việc cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền cho phép, ghi nhận các biến động thông tin nhân thân của cá nhân do thay đổi, cải chính, bổ sung, điều chỉnh thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc, khi có lý do chính đáng, đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật dân sự, quy định của Luật này và quy định pháp luật khác có liên quan.</i> <i>8. Quê quán của cá nhân được xác định</i>	bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc do đã được quy định thuộc phạm vi thay đổi thông tin hộ tịch; (ii) Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn do 2 văn bản này là kết quả giải quyết việc khai sinh, kết hôn, nên không cần giải thích cụ thể; (iii) cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch để phù hợp với quy định Cơ sở dữ liệu hộ tịch là cơ sở dữ liệu quốc gia, được xây dựng tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương, do Bộ Tư pháp quản lý.

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
		theo quê quán của cha hoặc quê quán của mẹ theo thỏa thuận của cha, mẹ khi đăng ký khai sinh, trường hợp cha, mẹ không thỏa thuận được thì xác định theo tập quán. <i>9. Người thân thích của cá nhân được xác định theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.</i> <i>10. Người làm công tác hộ tịch bao gồm người thực hiện công tác hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã; người được giao thực hiện công tác hộ tịch tại Sở Tư pháp; viên chức ngoại giao, lãnh sự được giao thực hiện công tác hộ tịch tại Cơ quan đại diện.</i>	
	Điều 3. Nội dung đăng ký hộ tịch 1. Xác nhận vào Sổ hộ tịch các sự kiện hộ tịch: a) Khai sinh; b) Kết hôn; c) Giám hộ;	Điều 3. Nội dung đăng ký hộ tịch 1. Xác nhận các thông tin, sự kiện: a) Khai sinh; b) Kết hôn; c) Giám hộ, <i>giám sát việc giám hộ;</i>	Dự thảo Luật cơ bản kế thừa nội dung đăng ký hộ tịch của Luật Hộ tịch năm 2014, sửa đổi tên gọi của một số nội dung sau: - Quy định các việc thay đổi, cải chính hộ tịch, điều chỉnh thông tin hộ tịch, xác

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	d) Nhận cha, mẹ, con; đ) Thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, bổ sung thông tin hộ tịch; e) Khai tử. 2. Ghi vào Sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của cá nhân theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: a) Thay đổi quốc tịch; b) Xác định cha, mẹ, con; c) Xác định lại giới tính; d) Nuôi con nuôi, chấm dứt việc nuôi con nuôi; đ) Ly hôn, hủy việc kết hôn trái pháp luật, công nhận việc kết hôn; e) Công nhận giám hộ; g) Tuyên bố hoặc hủy tuyên bố một người mất tích, đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự. 3. Ghi vào Sổ hộ tịch sự kiện khai sinh; kết hôn; ly hôn; hủy việc kết hôn; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; thay đổi hộ tịch; khai tử của công dân Việt Nam đã được	d) Nhận cha, mẹ, con; đ) Thay đổi thông tin hộ tịch; e) <i>Tình trạng hôn nhân</i>; g) Khai tử. 2. Cập nhật vào Sổ hộ tịch, Cơ sở dữ liệu hộ tịch theo bản án, quyết định, giấy tờ hộ tịch do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, xác nhận đối với các thay đổi thông tin sau đây của cá nhân: a) Thông tin hộ tịch, quốc tịch; b) Xác định cha, mẹ, con; c) Xác định lại giới tính; d) Nuôi con nuôi, chấm dứt việc nuôi con nuôi; đ) Ly hôn, hủy việc kết hôn trái pháp luật, công nhận việc kết hôn; e) Công nhận giám hộ; g) Tuyên bố hoặc hủy tuyên bố một người mất tích, đã chết, bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. 3. Ghi vào Sổ hộ tịch các sự kiện hộ tịch	định lại dân tộc, bổ sung thông tin hộ tịch của Luật Hộ tịch năm 2014 thành 01 nội dung “Thay đổi thông tin hộ tịch”. Vì bản chất các việc thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc trước đây đều dẫn đến kết quả thông tin hộ tịch của cá nhân có thay đổi so với thông tin ban đầu. Ngoài ra, để được thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc, người yêu cầu phải cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do vậy, không cần thiết phải tách thành từng thủ tục riêng biệt. - Sửa đổi việc “ghi vào Sổ hộ tịch” thành “cập nhật vào Sổ hộ tịch, Cơ sở dữ liệu hộ tịch” để bảo đảm đúng tính chất công việc, ứng dụng công nghệ thông tin. - Bổ sung việc “Tuyên bố hoặc hủy tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi” để phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự. - Lược bỏ quy định phạm vi “Ghi vào Sổ

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài. 4. Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác theo quy định của pháp luật.	của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài. 4. Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch <i>các sự kiện, thông tin hộ tịch khác</i> theo quy định của pháp luật.	hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài” tại khoản 3 Điều này để không trùng lặp với Điều 19 dự thảo Luật.
	Điều 4. Giải thích từ ngữ Trong Luật này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. Cơ quan đăng ký hộ tịch là Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã), Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và đơn vị hành chính tương đương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi là Cơ quan đại diện). 2. Cơ sở dữ liệu hộ tịch là tập hợp thông tin hộ tịch của cá nhân đã đăng ký và lưu giữ trong Sổ hộ tịch và Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.		Đưa lên Điều 2 dự thảo Luật.

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	3. Sổ hộ tịch là sổ giấy được lập và lưu giữ tại cơ quan đăng ký hộ tịch để xác nhận hoặc ghi các sự kiện hộ tịch quy định tại Điều 3 của Luật này. 4. Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử là cơ sở dữ liệu ngành, được lập trên cơ sở tin học hóa công tác đăng ký hộ tịch. 5. Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch gồm cơ quan đăng ký hộ tịch, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và cơ quan khác được giao thẩm quyền theo quy định của pháp luật. 6. Giấy khai sinh là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho cá nhân khi được đăng ký khai sinh; nội dung Giấy khai sinh bao gồm các thông tin cơ bản về cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này. 7. Giấy chứng nhận kết hôn là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho hai bên nam, nữ khi đăng ký kết hôn; nội dung Giấy chứng nhận kết hôn bao gồm các thông tin cơ bản quy định		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	tại khoản 2 Điều 17 của Luật này. 8. Quê quán của cá nhân được xác định theo quê quán của cha hoặc mẹ theo thỏa thuận của cha, mẹ hoặc theo tập quán được ghi trong tờ khai khi đăng ký khai sinh. 9. Trích lục hộ tịch là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp nhằm chứng minh sự kiện hộ tịch của cá nhân đã đăng ký tại cơ quan đăng ký hộ tịch. Bản chính trích lục hộ tịch được cấp ngay sau khi sự kiện hộ tịch được đăng ký. Bản sao trích lục hộ tịch bao gồm bản sao trích lục hộ tịch được cấp từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch và bản sao trích lục hộ tịch được chứng thực từ bản chính. 10. Thay đổi hộ tịch là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký thay đổi những thông tin hộ tịch của cá nhân khi có lý do chính đáng theo quy định của pháp luật dân sự hoặc thay đổi thông tin về cha, mẹ trong nội dung khai sinh đã đăng ký theo quy định của pháp luật.		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	11. Xác định lại dân tộc là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký xác định lại dân tộc của cá nhân theo quy định của Bộ luật dân sự. 12. Cải chính hộ tịch là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi những thông tin hộ tịch của cá nhân trong trường hợp có sai sót khi đăng ký hộ tịch. 13. Bổ sung hộ tịch là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cập nhật thông tin hộ tịch còn thiếu cho cá nhân đã được đăng ký.		
	Điều 5. Nguyên tắc đăng ký hộ tịch 1. Tôn trọng và bảo đảm quyền nhân thân của cá nhân. 2. Mọi sự kiện hộ tịch của cá nhân phải được đăng ký đầy đủ, kịp thời, trung thực, khách quan và chính xác; trường hợp không đủ điều kiện đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật thì người đứng đầu cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối bằng văn bản và nêu rõ lý do.		Đưa xuống Điều 8 dự thảo Luật

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	3. Đối với những việc hộ tịch mà Luật này không quy định thời hạn giải quyết thì được giải quyết ngay trong ngày; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. 4. Mọi sự kiện hộ tịch chỉ được đăng ký tại một cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền theo quy định của Luật này. Cá nhân có thể được đăng ký hộ tịch tại cơ quan đăng ký hộ tịch nơi thường trú, tạm trú hoặc nơi đang sinh sống. Trường hợp cá nhân không đăng ký tại nơi thường trú thì Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, Cơ quan đại diện nơi đã đăng ký hộ tịch cho cá nhân có trách nhiệm thông báo việc đăng ký hộ tịch đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cá nhân đó thường trú. 5. Mọi sự kiện hộ tịch sau khi đăng ký vào Sổ hộ tịch phải được cập nhật kịp thời, đầy đủ vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	6. Nội dung khai sinh, kết hôn, ly hôn, khai tử, thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại giới tính, xác định lại dân tộc của cá nhân trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch là thông tin đầu vào của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. 7. Bảo đảm công khai, minh bạch thủ tục đăng ký hộ tịch.		
	Điều 6. Quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch của cá nhân 1. Công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú tại Việt Nam có quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch. Quy định này cũng được áp dụng đối với công dân nước ngoài thường trú tại Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác. 2. Trường hợp kết hôn, nhận cha, mẹ, con thì các bên phải trực tiếp thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch. Đối với các việc đăng ký hộ tịch khác hoặc cấp bản sao trích lục hộ tịch thì	Điều 4. Quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch của cá nhân 1. Công dân Việt Nam, <i>người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam</i>, người không quốc tịch, người nước ngoài có quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác. 2. Công dân Việt Nam có trách nhiệm thực hiện thủ tục Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.	- Kế thừa quy định hiện hành, bổ sung quyền, trách nhiệm đăng ký hộ tịch của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch để bảo đảm phù hợp với Luật Căn cước. - Bổ sung trách nhiệm thực hiện ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài của công dân Việt Nam nhằm tăng cường công tác quản lý, trách nhiệm thông báo của người dân. - Bổ sung đối tượng “<i>người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi</i>” tại khoản 3 để phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự.

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	người có yêu cầu trực tiếp hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết việc ủy quyền. 3. Người chưa thành niên, người đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự yêu cầu đăng ký hộ tịch hoặc cấp bản sao trích lục hộ tịch thông qua người đại diện theo pháp luật.	<i>Sự kiện hộ tịch đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài chưa được ghi vào Sổ hộ tịch không được công nhận và không có giá trị pháp lý để xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ của cá nhân tại Việt Nam.</i> <i>Trường hợp không thực hiện thủ tục này gây thiệt hại cho cơ quan, tổ chức, cá nhân thì người vi phạm phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.</i> 3. Người chưa thành niên, người đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thực hiện việc đăng ký hộ tịch, khai thác thông tin hộ tịch từ Sổ hộ tịch, Cơ sở dữ liệu hộ tịch thông qua người đại diện theo pháp luật.	
	Điều 7. Thẩm quyền đăng ký hộ tịch 1. Ủy ban nhân dân cấp xã đăng ký hộ tịch trong các trường hợp sau:		Nội dung này được quy định tại Điều 7 của dự thảo

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	a) Đăng ký sự kiện hộ tịch quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 3 của Luật này cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước; b) Đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi; bổ sung thông tin hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước; c) Thực hiện các việc hộ tịch theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 3 của Luật này; d) Đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra tại Việt Nam có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam thường trú tại khu vực biên giới, còn người kia là công dân của nước láng giềng thường trú tại khu vực biên giới với Việt Nam; kết hôn, nhận cha, mẹ, con của công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới với công dân của nước láng giềng thường trú ở khu vực biên giới với Việt Nam; khai tử cho người nước ngoài cư trú ổn định lâu dài tại khu vực biên giới của Việt Nam.		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	2. Ủy ban nhân dân cấp huyện đăng ký hộ tịch trong các trường hợp sau, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này: a) Đăng ký sự kiện hộ tịch quy định tại khoản 1 Điều 3 của Luật này có yếu tố nước ngoài; b) Đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch cho công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc; c) Thực hiện các việc hộ tịch theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Luật này. 3. Cơ quan đại diện đăng ký các việc hộ tịch quy định tại Điều 3 của Luật này cho công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài. 4. Chính phủ quy định thủ tục đăng ký khai sinh, kết hôn, nhận cha, mẹ, con, khai tử quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.		
	Điều 8. Bảo đảm thực hiện quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch	Điều 5. Chính sách của Nhà nước về đăng ký, quản lý hộ tịch	Kế thừa quy định hiện hành, bổ sung trách nhiệm của Nhà nước trong việc tạo

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	1. Nhà nước có chính sách, biện pháp đồng bộ, tạo điều kiện để cá nhân thực hiện quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch. 2. Nhà nước bảo đảm ngân sách, cơ sở vật chất, nguồn nhân lực, đầu tư phát triển công nghệ thông tin cho hoạt động đăng ký và quản lý hộ tịch.	1. Nhà nước có chính sách, biện pháp đồng bộ, tạo điều kiện để cá nhân thực hiện quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch. <i>2. Nhà nước có chính sách tạo điều kiện thuận lợi bảo đảm quyền đăng ký khai sinh cho trẻ em được sinh ra tại Việt Nam hoặc sinh sống ổn định trên lãnh thổ Việt Nam.</i> 3. Nhà nước bảo đảm ngân sách, cơ sở vật chất, <i>ưu tiên phát triển nguồn nhân lực, đầu tư chuyển đổi số, phát triển công nghệ thông tin</i> cho hoạt động đăng ký, quản lý hộ tịch. <i>4. Nhà nước bảo đảm ổn định vị trí việc làm, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đối với người làm công tác hộ tịch để nâng cao tính chuyên nghiệp và chất lượng của công tác đăng ký, quản lý hộ tịch.</i>	điều kiện thuận lợi để bảo đảm quyền đăng ký khai sinh cho trẻ em được sinh ra tại Việt Nam hoặc sinh sống ổn định trên lãnh thổ Việt Nam, ưu tiên phát triển nguồn nhân lực, đầu tư chuyển đổi số trong lĩnh vực hộ tịch, ổn định vị trí việc làm, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đối với đội ngũ công chức thực hiện công tác hộ tịch tại khoản 2, khoản 3 nhằm chuyên nghiệp hóa đội ngũ này, nâng cao chất lượng hoạt động đăng ký, quản lý hộ tịch, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin
		<i>Điều 6. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hộ tịch</i> <i>1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hộ tịch trong phạm vi toàn quốc.</i>	Bổ sung quy định này theo hướng kế thừa quy định tại mục 1 Chương VI Luật Hộ tịch năm 2014, bảo đảm nguyên tắc “Không quy định tên bộ, ngành và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của bộ, ngành vào trong Luật (không phân

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
		2. Bộ Tư pháp là cơ quan đầu mối, giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hộ tịch. 3. Bộ Ngoại giao có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện quản lý nhà nước về hộ tịch tại Cơ quan đại diện. 4. Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm cập nhật, chia sẻ thông tin thay đổi hộ tịch của cá nhân giữa cơ sở dữ liệu của Tòa án với Cơ sở dữ liệu hộ tịch; thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến công tác hộ tịch. 5. Các bộ, ngành liên quan có trách nhiệm bảo đảm kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu thuộc thẩm quyền quản lý với Cơ sở dữ liệu hộ tịch theo quy định của pháp luật; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch; thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến công tác hộ tịch. 6. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm quản lý nhà nước về hộ tịch tại địa phương theo quy định.	quyền trực tiếp cho các Bộ trưởng tại Luật bảo đảm Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực, thực hiện phân công phạm vi quản lý nhà nước cho các bộ, cơ quan ngang bộ) ”.

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
		Điều 7. Thẩm quyền đăng ký hộ tịch <i>1. Ủy ban nhân dân cấp xã không phụ thuộc vào nơi cư trú của cá nhân đăng ký các việc hộ tịch quy định tại Điều 4 của Luật này.</i> <i>2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền ký giấy tờ hộ tịch. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ủy quyền ký giấy tờ hộ tịch theo quy định, trừ Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy chứng tử và giấy tờ hộ tịch trong trường hợp đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài.</i> 3. Cơ quan đại diện đăng ký các việc hộ tịch quy định tại Điều 4 của Luật này cho công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài. <i>4. Cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch đang lưu giữ Sổ hộ tịch có trách nhiệm cập nhật vào Sổ hộ tịch các thay đổi thông tin hộ tịch của cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 4 của Luật này.</i>	- Lược bỏ quy định về thẩm quyền đăng ký hộ tịch của Ủy ban nhân dân cấp huyện. - Bổ sung quy định thẩm quyền ký giấy tờ hộ tịch; ủy quyền ký một số giấy tờ hộ tịch cho công chức hộ tịch. Luật Hộ tịch năm 2014 quy định thẩm quyền ký giấy tờ hộ tịch thuộc Chủ tịch UBND cấp xã (tuy nhiên không có quy định chung mà được quy định trong từng thủ tục đăng ký hộ tịch). Thực tiễn tổ chức thi hành Luật Hộ tịch cho thấy, khối lượng hồ sơ hộ tịch phát sinh tại cấp xã ngày càng lớn, đặc biệt trong bối cảnh đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến, liên thông TTHC, cũng như yêu cầu cập nhật liên tục vào CSDLHT. Do đó, việc Chủ tịch UBND cấp xã là người ký hầu hết giấy tờ hộ tịch, trong khi đồng thời xử lý nhiều nhiệm vụ quản lý nhà nước khác (nhất là từ khi triển khai tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp), ảnh hưởng đến thời gian trả kết quả giải quyết TTHC của người dân, giảm tính

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
			chủ động của công chức hộ tịch. Vì vậy, để tạo thuận lợi hơn nữa trong việc giải quyết TTHC trong lĩnh vực hộ tịch thì dự thảo Luật bổ sung quy định về ủy quyền ký giấy tờ hộ tịch.
		Điều 8. Nguyên tắc đăng ký hộ tịch, khai thác, chia sẻ dữ liệu hộ tịch 1. Tôn trọng và bảo đảm quyền nhân thân của cá nhân. 2. Mọi sự kiện hộ tịch của cá nhân phải được đăng ký đầy đủ, kịp thời, trung thực, khách quan và chính xác. 3. Mọi sự kiện hộ tịch chỉ được đăng ký một lần, không trùng lặp tại các cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền của Việt Nam, trừ trường hợp đăng ký lại kết hôn. <i>Cơ quan đăng ký hộ tịch có trách nhiệm kiểm tra thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch và cơ sở dữ liệu liên quan trước khi thực hiện đăng ký hộ tịch.</i> 4. Bảo đảm công khai, minh bạch thủ tục đăng ký hộ tịch. <i>5. Tăng cường đăng ký hộ tịch chủ động, liên thông thủ tục đăng ký hộ tịch</i>	Kế thừa quy định hiện hành, lược bỏ quy định về thời hạn giải quyết và trách nhiệm thông báo của cơ quan đăng ký hộ tịch để bảo đảm đúng quan điểm xây dựng Luật theo Nghị quyết số 66-NQ/TW; lược bỏ quy định về việc nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký hộ tịch của cá nhân để không trùng lặp với quy định của pháp luật cư trú; lược bỏ quy định về thông tin trong CSDLQGVC do đã được quy định trong Luật Căn cước. - Sửa đổi quy định “Mọi sự kiện hộ tịch chỉ được đăng ký <i>một lần, không trùng lặp</i> tại các cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền <i>của Việt Nam</i>” để bảo đảm rõ ràng, phù hợp với quy định của pháp luật quốc tịch đối với trường hợp ghi vào sổ hộ tịch việc khai sinh đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
		<i>với các thủ tục liên quan, bảo đảm người dân chỉ cung cấp thông tin một lần.</i> <i>6. Cơ quan đăng ký hộ tịch có trách nhiệm chủ động khai thác dữ liệu điện tử, tra cứu thông tin trong cơ sở dữ liệu liên quan, phù hợp với mức độ đáp ứng của cơ sở dữ liệu, không yêu cầu nộp, xuất trình hoặc tải lên giấy tờ là thành phần hồ sơ, trừ trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác.</i> <i>7. Việc thu thập, xử lý, chia sẻ, khai thác dữ liệu hộ tịch phải bảo đảm an toàn, bí mật, đúng mục đích, phù hợp quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân.</i>	
		<i>Điều 9. Giá trị pháp lý của giấy tờ hộ tịch, thông tin hộ tịch, dữ liệu hộ tịch điện tử</i> <i>1. Giấy tờ hộ tịch, thông tin hộ tịch trong Sổ hộ tịch, Cơ sở dữ liệu hộ tịch là căn cứ để điều chỉnh thông tin trong các giấy tờ, hồ sơ khác của cá nhân.</i> <i>2. Thông tin khai sinh là thông tin hộ</i>	Bổ sung mới quy định về giá trị pháp lý của giấy tờ hộ tịch, thông tin hộ tịch và dữ liệu hộ tịch điện tử nhằm khẳng định vị trí, vai trò của giấy tờ hộ tịch, thông tin hộ tịch, thông tin khai sinh là thông tin hộ tịch gốc, cơ bản của mỗi cá nhân; đồng thời dữ liệu hộ tịch điện tử có giá

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
		<i>tịch gốc của cá nhân. Mọi hồ sơ, giấy tờ, thông tin trong Cơ sở dữ liệu khác của cá nhân có nội dung về họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; nơi sinh; giới tính; dân tộc; quốc tịch; số định danh cá nhân; quê quán; quan hệ cha, mẹ, con phải phù hợp với thông tin khai sinh của người đó.</i> <i>Trường hợp nội dung trong hồ sơ, giấy tờ, Cơ sở dữ liệu khác của cá nhân không phù hợp với thông tin khai sinh, thì Thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý hồ sơ, Cơ sở dữ liệu, cấp giấy tờ có trách nhiệm chủ động phối hợp với cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch để kiểm tra, điều chỉnh, bảo đảm thông tin chính xác.</i> <i>3. Dữ liệu hộ tịch điện tử bao gồm bản điện tử giấy tờ hộ tịch, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch đáp ứng các quy định của pháp luật giao dịch điện tử, có giá trị như giấy tờ hộ tịch bản giấy khi thực hiện thủ tục hành chính và các giao dịch khác.</i>	trị sử dụng trong giao dịch, thực hiện thủ tục hành chính, là cơ sở để so sánh, đối chiếu, xác thực khi thực hiện khai thác dữ liệu. Việc bổ sung quy định về giá trị pháp lý của giấy tờ hộ tịch, thông tin hộ tịch và dữ liệu hộ tịch điện tử nhằm khẳng định rõ vị trí, vai trò pháp lý của hộ tịch trong hệ thống thông tin pháp lý cá nhân, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong quản lý nhà nước. Thực tiễn cho thấy, do chưa có quy định đầy đủ, rõ ràng về giá trị sử dụng của giấy tờ và dữ liệu hộ tịch, việc khai thác, sử dụng thông tin hộ tịch trong giao dịch, thực hiện thủ tục hành chính còn gặp lúng túng, thiếu thống nhất giữa các cơ quan. Việc xác định thông tin khai sinh là thông tin hộ tịch gốc, cơ bản của mỗi cá nhân và quy định dữ liệu hộ tịch điện tử có giá trị sử dụng trong giao dịch, thủ tục hành chính, là căn cứ để so sánh, đối chiếu, xác thực khi khai thác dữ liệu sẽ tạo cơ sở pháp lý cho việc sử dụng dữ liệu điện tử thay thế giấy tờ, thúc đẩy chuyển đổi số, giảm yêu cầu xuất trình giấy tờ hộ tịch, đồng

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
			thời nâng cao hiệu quả quản lý, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân.
	Điều 9. Phương thức yêu cầu và tiếp nhận yêu cầu đăng ký hộ tịch 1. Khi yêu cầu đăng ký hộ tịch, cấp bản sao trích lục hộ tịch, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp cho cơ quan đăng ký hộ tịch hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc gửi qua hệ thống đăng ký hộ tịch trực tuyến. 2. Khi làm thủ tục đăng ký hộ tịch, cấp bản sao trích lục hộ tịch từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch, cá nhân xuất trình giấy tờ chứng minh nhân thân cho cơ quan đăng ký hộ tịch. Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh nhân thân. 3. Đối với những việc đăng ký hộ tịch có quy định thời hạn giải quyết, thì người tiếp nhận hồ sơ phải viết giấy tiếp nhận; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ thì phải hướng dẫn bằng	Điều 10. Phương thức yêu cầu, nhận kết quả đăng ký hộ tịch <i>1. Khi yêu cầu đăng ký hộ tịch, cá nhân, tổ chức có quyền lựa chọn nộp hồ sơ trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền.</i> <i>2. Cá nhân, tổ chức có quyền lựa chọn nhận bản điện tử giấy tờ hộ tịch, nhận giấy tờ hộ tịch bản giấy qua dịch vụ bưu chính hoặc nhận trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch, trừ trường hợp đăng ký kết hôn.</i>	Kế thừa quy định về phương thức yêu cầu đăng ký hộ tịch nhằm bảo đảm sự linh hoạt, tôn trọng quyền lựa chọn của người dân. Lược bỏ các quy định chi tiết về tiếp nhận, trả kết quả đăng ký hộ tịch, giao Chính phủ quy định nhằm bảo đảm đúng nguyên tắc “Luật chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt, kịp thời, phù hợp với thực tiễn” theo Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	văn bản để người đi đăng ký hộ tịch bổ sung, hoàn thiện. Văn bản hướng dẫn phải ghi đầy đủ, rõ ràng loại giấy tờ bổ sung. Trường hợp người có yêu cầu nộp hồ sơ không đúng cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền thì người tiếp nhận hướng dẫn người đi đăng ký hộ tịch đến cơ quan có thẩm quyền để nộp hồ sơ.		
	Điều 10. Hợp pháp hóa lãnh sự đối với giấy tờ của nước ngoài Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.	Điều 11. Hợp pháp hóa lãnh sự, dịch sang tiếng Việt đối với giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp, xác nhận 1. Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận sử dụng để đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật. <i>2. Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài sử dụng để đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được dịch ra tiếng Việt và chứng thực chữ ký người dịch theo quy định</i>	Kế thừa quy định tại Điều 10 Luật Hộ tịch năm 2014. Bổ sung quy định về dịch ra tiếng Việt và giấy tờ sử dụng đăng ký hộ tịch tại khu vực biên giới để bảo đảm đầy đủ, chặt chẽ.

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
		<i>của pháp luật.</i> <i>3. Trường hợp đăng ký hộ tịch tại khu vực biên giới, giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước láng giềng cấp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự, việc dịch ra tiếng Việt thực hiện theo quy định của Chính phủ.</i>	
	Điều 11. Lệ phí hộ tịch 1. Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp sau: a) Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; b) Đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước. 2. Cá nhân yêu cầu đăng ký sự kiện hộ tịch khác ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch phải nộp lệ phí. Bộ Tài chính quy định chi tiết thẩm quyền thu, mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch.	Điều 12. Phí, lệ phí hộ tịch <i>1. Cá nhân khi yêu cầu đăng ký hộ tịch phải nộp lệ phí hộ tịch theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.</i> <i>2. Tổ chức, cá nhân khi khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch phải nộp phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.</i>	Sửa đổi quy định cụ thể trách nhiệm nộp phí, lệ phí đăng ký hộ tịch của cá nhân.

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	Điều 12. Các hành vi bị nghiêm cấm 1. Nghiêm cấm cá nhân thực hiện các hành vi sau đây: a) Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật; làm hoặc sử dụng giấy tờ giả, giấy tờ của người khác để đăng ký hộ tịch; b) Đe dọa, cưỡng ép, cản trở việc thực hiện quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch; c) Can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đăng ký hộ tịch; d) Cam đoan, làm chứng sai sự thật để đăng ký hộ tịch; đ) Làm giả, sửa chữa, làm sai lệch nội dung giấy tờ hộ tịch hoặc thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch; e) Đưa hối lộ, mua chuộc, hứa hẹn lợi ích vật chất, tinh thần để được đăng ký hộ tịch; g) Lợi dụng việc đăng ký hộ tịch hoặc trốn tránh nghĩa vụ đăng ký hộ tịch nhằm động cơ vụ lợi, hưởng chính sách ưu đãi của Nhà nước hoặc trục lợi dưới bất kỳ hình thức nào; h) Người có thẩm quyền quyết định đăng ký hộ tịch thực hiện việc đăng ký	Điều 13. Các hành vi bị nghiêm cấm 1. Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật; làm hoặc sử dụng giấy tờ giả, giấy tờ của người khác để đăng ký hộ tịch; 2. Đe dọa, cưỡng ép, cản trở việc thực hiện quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch; 3. Can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đăng ký hộ tịch; 4. Cam đoan, làm chứng sai sự thật để đăng ký hộ tịch; 5. Làm giả, sửa chữa, làm sai lệch nội dung giấy tờ hộ tịch hoặc thông tin trong Sổ hộ tịch, Cơ sở dữ liệu hộ tịch; 6. Đưa hối lộ, mua chuộc, hứa hẹn lợi ích vật chất, tinh thần để được đăng ký hộ tịch; 7. Lợi dụng việc đăng ký hộ tịch hoặc trốn tránh nghĩa vụ đăng ký hộ tịch nhằm động cơ vụ lợi, hưởng chính sách ưu đãi của Nhà nước hoặc trục lợi dưới bất kỳ	Kế thừa quy định hiện hành, bổ sung hành vi “<i>Truy cập, làm thay đổi, xóa, hủy, phát tán hoặc thực hiện các hoạt động khác trái pháp luật liên quan đến xử lý dữ liệu cá nhân trong Sổ hộ tịch, Cơ sở dữ liệu hộ tịch; lợi dụng việc xử lý dữ liệu, quản trị dữ liệu để khai thác, chia sẻ, mua, bán, trao đổi, chiếm đoạt, cố ý làm lộ, làm mất dữ liệu cá nhân trong Sổ hộ tịch, Cơ sở dữ liệu hộ tịch; sử dụng dữ liệu cá nhân của người khác, cho người khác sử dụng dữ liệu cá nhân của mình để thực hiện hành vi trái quy định của pháp luật</i>” để phù hợp với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong đăng ký, quản lý hộ tịch, xây dựng CSDLHT là CSDL quốc gia, bảo đảm bảo vệ dữ liệu, an toàn thông tin, thống nhất với quy định của Luật dữ liệu, Luật Bảo vệ dữ liệu.

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	hộ tịch cho bản thân hoặc người thân thích theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình; i) Truy cập trái phép, trộm cắp, phá hoại thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch. 2. Giấy tờ hộ tịch được cấp cho trường hợp đăng ký hộ tịch vi phạm quy định tại các điểm a, d, đ, g và h khoản 1 Điều này đều không có giá trị và phải thu hồi, hủy bỏ. 3. Cá nhân thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp cán bộ, công chức vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này, ngoài bị xử lý như trên còn bị xử lý kỷ luật theo quy định pháp luật về cán bộ, công chức.	hình thức nào; 8. Người có thẩm quyền quyết định đăng ký hộ tịch thực hiện việc đăng ký hộ tịch cho bản thân; <i>9. Truy cập, làm thay đổi, xóa, hủy, phát tán hoặc thực hiện các hoạt động khác trái pháp luật liên quan đến xử lý dữ liệu cá nhân trong Sổ hộ tịch, Cơ sở dữ liệu hộ tịch; lợi dụng việc xử lý dữ liệu, quản trị dữ liệu để khai thác, chia sẻ, mua, bán, trao đổi, chiếm đoạt, cố ý làm lộ, làm mất dữ liệu cá nhân trong Sổ hộ tịch, Cơ sở dữ liệu hộ tịch; sử dụng dữ liệu cá nhân của người khác, cho người khác sử dụng dữ liệu cá nhân của mình để thực hiện hành vi trái quy định của pháp luật.</i>	
		<i>Điều 14. Xử lý vi phạm trong hoạt động đăng ký, quản lý hộ tịch</i> <i>1. Giấy tờ hộ tịch, nội dung đăng ký hộ</i>	Kế thừa quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 8 Luật Hộ tịch năm 2014. Tuy nhiên, dự thảo Luật tách thành một điều riêng để bảo đảm đúng phạm vi, nội dung điều luật.

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
		<i>tịch được cấp, đăng ký cho cá nhân vi phạm quy định của pháp luật hộ tịch, pháp luật liên quan; vi phạm quy định tại các khoản 1, 4, 5, 7, 8 Điều 14 của Luật này đều không có giá trị và phải thu hồi, huỷ bỏ.</i> <i>2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi quy định tại Điều 14 của Luật này tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.</i>	
	CHƯƠNG II CHƯƠNG II. ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ	CHƯƠNG II CHƯƠNG II. ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH	
	Mục 1 ĐĂNG KÝ KHAI SINH	Mục 1 ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ	
	Điều 13. Thẩm quyền đăng ký khai sinh	Điều 15. Đăng ký khai sinh 1. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện	Bổ sung phạm vi, đối tượng, thẩm quyền đăng ký khai sinh tại UBND cấp xã theo hướng chuyển giao thẩm quyền của

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ thực hiện đăng ký khai sinh.	<i>đăng ký khai sinh cho các trường hợp sau:</i> <i>a) Trẻ em được sinh ra tại Việt Nam.</i> <i>b) Trẻ em được sinh ra ở nước ngoài chưa được đăng ký khai sinh, về cư trú tại Việt Nam và có cha và mẹ là công dân Việt Nam; hoặc có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia không rõ là ai; hoặc có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là người nước ngoài, người không quốc tịch hoặc người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam.</i> <i>c) Công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam, được sinh ra ở Việt Nam mà chưa được đăng ký khai sinh, đã có hồ sơ, giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp, xác nhận.</i>	UBND cấp huyện trước đây, không tách riêng thủ tục ĐKKS trong nước và có yếu tố nước ngoài trong khi trình tự, thủ tục cơ bản giống nhau, chỉ khác nhau về đối tượng, thành phần hồ sơ. - Bổ sung quy định xác định thẩm quyền giải quyết đăng ký khai sinh không phụ thuộc vào nơi cư trú. Quy định thẩm quyền gắn chặt với nơi cư trú như hiện hành đã bộc lộ những hạn chế trong bối cảnh dân cư di biến động lớn, nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính linh hoạt, thuận tiện cho người dân ngày càng tăng. Do đó, việc bổ sung quy định xác định thẩm quyền giải quyết đăng ký hộ tịch không phụ thuộc vào nơi cư trú sẽ tạo điều kiện cho người dân chủ động lựa chọn nơi thực hiện thủ tục, giảm áp lực cho cơ quan đăng ký theo địa bàn cư trú, đồng thời phù hợp với việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thống nhất, liên thông. Bổ sung thông tin ngày, tháng, năm

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
		2. Trường hợp trẻ em sinh ra tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, đã cung cấp đủ nội dung đăng ký khai sinh theo quy định, dữ liệu được kết nối, chia sẻ tự động tới hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của cha hoặc mẹ trẻ chủ động thực hiện đăng ký khai sinh, trừ trường hợp người yêu cầu lựa chọn khác. 3. Trường hợp không thực hiện đăng ký khai sinh chủ động theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày trẻ em được sinh ra, cha hoặc mẹ có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho con; trường hợp cha, mẹ không thể đăng ký khai sinh cho con thì ông hoặc bà hoặc người thân thích hoặc cá nhân, tổ chức đang nuôi dưỡng trẻ em có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ em. 4. Nội dung đăng ký khai sinh bao gồm	sinh, số định danh cá nhân hoặc giấy tờ tùy thân của cha, mẹ để bảo đảm thống nhất với CSDLQGVC và cơ sở dữ liệu khác. - Bổ sung quy định về trách nhiệm đăng ký khai sinh “chủ động” của cơ quan nhà nước nhằm thể chế hóa chủ trương đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý hộ tịch, lấy người dân làm trung tâm phục vụ. Thực tiễn cho thấy, phần lớn trẻ em đều được sinh ra tại cơ sở y tế; tuy nhiên, việc đăng ký hộ tịch hiện nay vẫn chủ yếu dựa vào nghĩa vụ của người dân, dẫn đến tình trạng chậm đăng ký, không đăng ký hoặc phát sinh thủ tục hành chính không cần thiết. Việc quy định trách nhiệm chủ động của cơ quan nhà nước, trên cơ sở khai thác, kết nối và chia sẻ dữ liệu sinh từ cơ sở khám, chữa bệnh sang hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử sẽ góp phần bảo đảm đăng ký kịp thời, đầy đủ các sự kiện hộ tịch, giảm gánh nặng thủ tục cho người dân, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời vẫn bảo đảm trách nhiệm đăng ký của cá nhân trong trường

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
		<i>các thông tin cơ bản sau:</i> a) Thông tin của người được khai sinh: Họ, chữ đệm (nếu có), tên; giới tính; ngày tháng năm sinh; số định danh cá nhân; nơi sinh; quê quán; dân tộc; quốc tịch. Việc xác định họ, tên, dân tộc, quốc tịch của người được khai sinh thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật quốc tịch. b) Thông tin của cha, mẹ người được khai sinh gồm: Họ, chữ đệm (nếu có), tên; ngày tháng năm sinh; số định danh cá nhân (nếu có); dân tộc; quốc tịch; nơi cư trú.	hợp không thực hiện được đăng ký chủ động theo quy định của pháp luật.
	Điều 14. Nội dung đăng ký khai sinh 1. Nội dung đăng ký khai sinh gồm: a) Thông tin của người được đăng ký khai sinh: Họ, chữ đệm và tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; nơi sinh; quê quán; dân tộc; quốc tịch;		Quy định này đã được thu hút vào Điều 15 dự thảo Luật.

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	b) Thông tin của cha, mẹ người được đăng ký khai sinh: Họ, chữ đệm và tên; năm sinh; dân tộc; quốc tịch; nơi cư trú; c) Số định danh cá nhân của người được đăng ký khai sinh. 2. Việc xác định quốc tịch, dân tộc, họ của người được khai sinh được thực hiện theo quy định của pháp luật về quốc tịch Việt Nam và pháp luật dân sự. 3. Nội dung đăng ký khai sinh quy định tại khoản 1 Điều này là thông tin hộ tịch cơ bản của cá nhân, được ghi vào Sổ hộ tịch, Giấy khai sinh, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Hồ sơ, giấy tờ của cá nhân liên quan đến thông tin khai sinh phải phù hợp với nội dung đăng ký khai sinh của người đó. Chính phủ quy định việc cấp Số định danh cá nhân cho người được đăng ký khai sinh.		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	Điều 15. Trách nhiệm đăng ký khai sinh 1. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày sinh con, cha hoặc mẹ có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho con; trường hợp cha, mẹ không thể đăng ký khai sinh cho con thì ông hoặc bà hoặc người thân thích khác hoặc cá nhân, tổ chức đang nuôi dưỡng trẻ em có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ em. 2. Công chức tư pháp - hộ tịch thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc đăng ký khai sinh cho trẻ em trên địa bàn trong thời hạn quy định; trường hợp cần thiết thì thực hiện đăng ký khai sinh lưu động.		Quy định này đã được thu hút vào Điều 15 dự thảo Luật.
	Điều 16. Thủ tục đăng ký khai sinh 1. Người đi đăng ký khai sinh nộp tờ khai theo mẫu quy định và giấy chứng sinh cho cơ quan đăng ký hộ tịch. Trường hợp không có giấy chứng sinh		Lược bỏ quy định về thủ tục đăng ký khai sinh, giao Chính phủ quy định chi tiết để bảo đảm đúng nguyên tắc xây dựng Luật (Luật chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh; trường hợp khai sinh cho trẻ em bị bỏ rơi phải có biên bản xác nhận việc trẻ bị bỏ rơi do cơ quan có thẩm quyền lập; trường hợp khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ phải có văn bản chứng minh việc mang thai hộ theo quy định pháp luật. 2. Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này, nếu thấy thông tin khai sinh đầy đủ và phù hợp, công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung khai sinh theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này vào Sổ hộ tịch; cập nhật vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lấy Số định danh cá nhân. Công chức tư pháp - hộ tịch và người đi đăng ký khai sinh cùng ký tên vào Sổ hộ tịch. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã		những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt, kịp thời, phù hợp với thực tiễn)

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	cấp Giấy khai sinh cho người được đăng ký khai sinh. 3. Chính phủ quy định chi tiết việc đăng ký khai sinh cho trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em chưa xác định được cha, mẹ, trẻ em sinh ra do mang thai hộ; việc xác định quê quán của trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em chưa xác định được cha, mẹ.		
	Mục 2 ĐĂNG KÝ KẾT HÔN		
	Điều 17. Thẩm quyền đăng ký kết hôn và nội dung Giấy chứng nhận kết hôn 1. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của một trong hai bên nam, nữ thực hiện đăng ký kết hôn. 2. Giấy chứng nhận kết hôn phải có các thông tin sau đây: a) Họ, chữ đệm và tên; ngày, tháng, năm sinh; dân tộc; quốc tịch; nơi cư trú; thông tin về giấy tờ chứng minh nhân	Điều 16. Đăng ký kết hôn 1. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đăng ký kết hôn các trường hợp sau: a) Đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam cư trú ở trong nước với nhau. b) Đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam cư trú ở trong nước với người nước ngoài, với công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài, với người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang	Sửa đổi quy định về đối tượng, thẩm quyền đăng ký kết hôn tại UBND cấp xã để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; không tách riêng việc ĐKKH trong nước và có yếu tố nước ngoài trong khi trình tự, thủ tục cơ bản giống nhau, chỉ khác nhau về đối tượng, thành phần hồ sơ. Quy định thẩm quyền gắn chặt với nơi cư trú như hiện hành đã bộc lộ những hạn chế trong bối cảnh dân cư di biến

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	thân của hai bên nam, nữ; b) Ngày, tháng, năm đăng ký kết hôn; c) Chữ ký hoặc điểm chỉ của hai bên nam, nữ và xác nhận của cơ quan đăng ký hộ tịch.	<i>sinh sống tại Việt Nam; giữa công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài với nhau, với người nước ngoài; giữa công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài với công dân Việt Nam hoặc với người nước ngoài.</i> <i>c) Đăng ký kết hôn cho người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam, người nước ngoài thường trú tại Việt Nam.</i> 2. Nội dung đăng ký kết hôn bao gồm: <i>a) Họ, chữ đệm (nếu có), tên; ngày tháng năm sinh; dân tộc; quốc tịch; nơi cư trú; số định danh cá nhân của công dân Việt Nam; thông tin giấy tờ chứng minh về nhân thân của hai bên nam, nữ.</i> <i>b) Ngày tháng năm đăng ký kết hôn; ngày tháng năm xác lập quan hệ hôn nhân.</i> 3. Khi đăng ký kết hôn, hai bên nam, nữ phải có mặt tại cơ quan đăng ký hộ tịch	động lớn, nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính linh hoạt, thuận tiện cho người dân ngày càng tăng. Do đó, việc bổ sung quy định xác định thẩm quyền giải quyết đăng ký hộ tịch không phụ thuộc vào nơi cư trú sẽ tạo điều kiện cho người dân chủ động lựa chọn nơi thực hiện thủ tục, giảm áp lực cho cơ quan đăng ký theo địa bàn cư trú, đồng thời phù hợp với việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thống nhất, liên thông. Sửa đổi quy định về nội dung đăng ký kết hôn, khẳng định vai trò, tầm quan trọng của việc đăng ký kết hôn.

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
		<i>và ký vào Sổ đăng ký kết hôn, Giấy chứng nhận kết hôn.</i>	
	Điều 18. Thủ tục đăng ký kết hôn 1. Hai bên nam, nữ nộp tờ khai đăng ký kết hôn theo mẫu quy định cho cơ quan đăng ký hộ tịch và cùng có mặt khi đăng ký kết hôn. 2. Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này, nếu thấy đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, công chức tư pháp - hộ tịch ghi việc kết hôn vào Sổ hộ tịch, cùng hai bên nam, nữ ký tên vào Sổ hộ tịch. Hai bên nam, nữ cùng ký vào Giấy chứng nhận kết hôn; công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức trao Giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên nam, nữ. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn		Lược bỏ quy định về thủ tục đăng ký kết hôn, giao Chính phủ quy định chi tiết để bảo đảm đúng nguyên tắc xây dựng Luật (Luật chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt, kịp thời, phù hợp với thực tiễn)

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	giải quyết không quá 05 ngày làm việc.		
	Mục 3 ĐĂNG KÝ GIÁM HỘ		
	Điều 19. Thẩm quyền đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người được giám hộ hoặc người giám hộ thực hiện đăng ký giám hộ. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã đăng ký giám hộ thực hiện đăng ký chấm dứt giám hộ.	Điều 17. Đăng ký giám hộ, giám sát việc giám hộ <i>1. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đăng ký giám hộ giữa công dân Việt Nam cư trú ở trong nước với nhau; giữa công dân Việt Nam cư trú ở trong nước và người nước ngoài, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch cư trú tại Việt Nam.</i> <i>2. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đăng ký chấm dứt giám hộ.</i> <i>3. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thay đổi người giám hộ theo quy định của Bộ luật Dân sự, khi có người đủ điều kiện nhận làm giám hộ.</i> <i>4. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện</i>	Sửa đổi thẩm quyền đăng ký giám hộ để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; bổ sung thẩm quyền đăng ký giám sát việc giám hộ để phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự; bổ sung quy định xác định thẩm quyền giải quyết không phụ thuộc vào nơi cư trú (trừ trường hợp giám sát việc giám hộ để bảo đảm phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự). Quy định thẩm quyền gắn chặt với nơi cư trú như hiện hành đã bộc lộ những hạn chế trong bối cảnh dân cư di biến động lớn, nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính linh hoạt, thuận tiện cho người dân ngày càng tăng. Do đó, việc bổ sung quy định xác định thẩm quyền giải quyết đăng ký hộ tịch không phụ thuộc vào nơi cư trú sẽ tạo điều kiện cho

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
		<i>đăng ký giám sát việc giám hộ, đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ liên quan đến quản lý tài sản của người được giám hộ.</i> 5. Khi đăng ký giám hộ, người giám hộ phải có mặt tại cơ quan đăng ký hộ tịch.	người dân chủ động lựa chọn nơi thực hiện thủ tục, giảm áp lực cho cơ quan đăng ký theo địa bàn cư trú, đồng thời phù hợp với việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thống nhất, liên thông.
	Điều 20. Thủ tục đăng ký giám hộ cử 1. Người yêu cầu đăng ký giám hộ nộp tờ khai đăng ký giám hộ theo mẫu quy định và văn bản cử người giám hộ theo quy định của Bộ luật dân sự cho cơ quan đăng ký hộ tịch. 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này, nếu thấy đủ điều kiện theo quy định pháp luật thì công chức tư pháp - hộ tịch ghi vào Sổ hộ tịch và cùng người đi đăng ký giám hộ ký vào Sổ hộ tịch, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trích lục cho người yêu cầu.		Lược bỏ các quy định về thủ tục đăng ký giám hộ, giao Chính phủ quy định chi tiết để bảo đảm đúng nguyên tắc xây dựng Luật (Luật chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt, kịp thời, phù hợp với thực tiễn); đồng thời các việc giám hộ cử, giám hộ đương nhiên, chấm dứt giám hộ, thay đổi giám hộ đều thuộc phạm vi đăng ký giám hộ.

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	Điều 21. Đăng ký giám hộ đương nhiên 1. Người yêu cầu đăng ký giám hộ nộp tờ khai đăng ký giám hộ theo mẫu quy định và giấy tờ chứng minh điều kiện giám hộ đương nhiên theo quy định của Bộ luật dân sự cho cơ quan đăng ký hộ tịch. Trường hợp có nhiều người cùng đủ điều kiện làm giám hộ đương nhiên thì nộp thêm văn bản thỏa thuận về việc cử một người làm giám hộ đương nhiên. 2. Trình tự đăng ký giám hộ đương nhiên được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Luật này.		
	Điều 22. Đăng ký chấm dứt giám hộ 1. Người yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ nộp tờ khai đăng ký chấm dứt giám hộ theo mẫu quy định và giấy tờ làm căn cứ chấm dứt giám hộ theo quy định của Bộ luật dân sự cho cơ quan đăng ký hộ tịch.		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này, nếu thấy việc chấm dứt giám hộ đủ điều kiện theo quy định của Bộ luật dân sự, công chức tư pháp - hộ tịch ghi việc chấm dứt giám hộ vào Sổ hộ tịch, cùng người đi đăng ký chấm dứt giám hộ ký vào Sổ hộ tịch và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trích lục cho người yêu cầu.		
	Điều 23. Đăng ký thay đổi giám hộ Trường hợp yêu cầu thay đổi người giám hộ theo quy định của Bộ luật dân sự và có người khác đủ điều kiện nhận làm giám hộ, thì các bên làm thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ trước đó và đăng ký giám hộ mới theo quy định tại Mục này.		
	Mục 4 ĐĂNG KÝ NHẬN CHA, MẸ, CON		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	Điều 24. Thẩm quyền đăng ký nhận cha, mẹ, con Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người nhận hoặc người được nhận là cha, mẹ, con thực hiện đăng ký nhận cha, mẹ, con.	Điều 18. Đăng ký nhận cha, mẹ, con <i>Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đăng ký nhận cha, mẹ, con các trường hợp sau:</i> <i>1. Giữa công dân Việt Nam cư trú ở trong nước với nhau.</i> <i>2. Giữa công dân Việt Nam cư trú ở trong nước với người nước ngoài, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam, công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài.</i> <i>3. Giữa công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài, công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài với người nước ngoài, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch thường trú hoặc tạm trú tại Việt Nam.</i> <i>4. Giữa người nước ngoài thường trú tại Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch thường trú hoặc</i>	Sửa đổi thẩm quyền đăng ký nhận cha, mẹ, con để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; bổ sung quy định xác định thẩm quyền giải quyết đăng ký không phụ thuộc vào nơi cư trú. Quy định thẩm quyền gắn chặt với nơi cư trú như hiện hành đã bộc lộ những hạn chế trong bối cảnh dân cư di biến động lớn, nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính linh hoạt, thuận tiện cho người dân ngày càng tăng. Do đó, việc bổ sung quy định xác định thẩm quyền giải quyết đăng ký hộ tịch không phụ thuộc vào nơi cư trú sẽ tạo điều kiện cho người dân chủ động lựa chọn nơi thực hiện thủ tục, giảm áp lực cho cơ quan đăng ký theo địa bàn cư trú, đồng thời phù hợp với việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thống nhất, liên thông.

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
		<i>tạm trú tại Việt Nam với nhau.</i>	
	Điều 25. Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con 1. Người yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con nộp tờ khai theo mẫu quy định và chứng cứ chứng minh quan hệ cha con hoặc mẹ con cho cơ quan đăng ký hộ tịch. Khi đăng ký nhận cha, mẹ, con các bên phải có mặt. 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này, nếu thấy việc nhận cha, mẹ, con là đúng và không có tranh chấp, công chức tư pháp - hộ tịch ghi vào Sổ hộ tịch, cùng người đăng ký nhận cha, mẹ, con ký vào Sổ hộ tịch và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trích lục cho người yêu cầu. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài thêm không quá 05 ngày làm việc.		Lược bỏ các quy định về thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con, giao Chính phủ quy định chi tiết để bảo đảm đúng nguyên tắc xây dựng Luật (Luật chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt, kịp thời, phù hợp với thực tiễn)

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	Mục 5 ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI, CẢI CHÍNH, BỔ SUNG HỘ TỊCH		
	Điều 26. Phạm vi thay đổi hộ tịch 1. Thay đổi họ, chữ đệm và tên của cá nhân trong nội dung khai sinh đã đăng ký khi có căn cứ theo quy định của pháp luật dân sự. 2. Thay đổi thông tin về cha, mẹ trong nội dung khai sinh đã đăng ký sau khi được nhận làm con nuôi theo quy định của Luật nuôi con nuôi.	Điều 19. Thay đổi thông tin hộ tịch 1. Phạm vi thay đổi thông tin hộ tịch bao gồm: <i>a) Thay đổi họ, chữ đệm, tên của cá nhân trong nội dung khai sinh khi có đủ các căn cứ, điều kiện theo quy định pháp luật dân sự.</i> <i>b) Thay đổi thông tin về quê quán theo thỏa thuận và yêu cầu của cha, mẹ đẻ trong trường hợp trẻ chưa xác định được cha, mẹ, trẻ bị bỏ rơi nay xác định được cha, mẹ đẻ.</i> <i>c) Thay đổi thông tin về cha, mẹ, dân tộc, quê quán trong nội dung khai sinh khi được nhận làm con nuôi hoặc khi chấm dứt việc nuôi con nuôi.</i>	- Sửa đổi quy định về phạm vi thay đổi hộ tịch, theo đó các việc cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc trước đây sẽ không tách thành các thủ tục riêng, mà đều thuộc phạm vi thay đổi hộ tịch. Bởi vì, về bản chất, thông tin hộ tịch sau khi được thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc đều được “thay đổi” so với thông tin hộ tịch ban đầu. - Bổ sung việc thay đổi quê quán trong trường hợp trẻ chưa xác định được cha, mẹ, trẻ bị bỏ rơi nay xác định được cha, mẹ đẻ. Đối với các trường hợp này, thông tin quê quán được xác định khi đăng ký khai sinh chưa phản ánh đúng nguồn gốc huyết thống của cá nhân; khi trẻ đã xác định được cha, mẹ đẻ, nhưng pháp luật

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
		<i>d) Thay đổi thông tin về dân tộc khi xác định lại dân tộc theo quy định của pháp luật dân sự.</i> <i>đ) Cải chính thông tin hộ tịch đã đăng ký do có sai sót hoặc thông tin không đúng thực tế.</i> <i>e) Bổ sung thông tin hộ tịch còn thiếu trên bản chính giấy tờ hộ tịch, trong Sổ hộ tịch và Cơ sở dữ liệu hộ tịch.</i> <i>g) Điều chỉnh thông tin hộ tịch của cá nhân đã đăng ký do chính cá nhân hoặc cha, mẹ hoặc vợ, chồng của cá nhân đó được thay đổi thông tin hộ tịch.</i> 2. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thay đổi thông tin hộ tịch các trường hợp sau: <i>a) Đăng ký thay đổi thông tin hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước, công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã đăng ký hộ tịch tại Việt Nam, còn bản chính giấy tờ hộ tịch hoặc</i>	chưa có quy định rõ ràng về việc điều chỉnh quê quán, dẫn đến bất cập trong quản lý hộ tịch và ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ. Việc bổ sung quy định thay đổi quê quán sẽ bảo đảm thông tin hộ tịch được cập nhật đầy đủ, chính xác, phù hợp với thực tế, đồng thời tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho cơ quan đăng ký hộ tịch trong quá trình giải quyết, góp phần bảo đảm quyền trẻ em và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hộ tịch. - Bổ sung việc thay đổi dân tộc, quê quán của trẻ em sau khi được nhận hoặc chấm dứt nuôi con nuôi để bảo đảm quyền lợi của trẻ em trong trường hợp có nguyện vọng được lấy lại dân tộc, quê quán theo cha, mẹ đẻ. - Sửa đổi quy định về thẩm quyền nhằm thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; bổ sung quy định xác định thẩm quyền giải quyết đăng ký thay đổi thông tin hộ tịch không phụ thuộc

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
		<i>có thông tin trong Sổ hộ tịch hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch.</i> <i>b) Đăng ký thay đổi thông tin hộ tịch quy định tại các điểm b, c, d, e và g khoản 1 Điều này cho người nước ngoài, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam đã đăng ký hộ tịch tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, còn bản chính giấy tờ hộ tịch hoặc có thông tin trong Sổ hộ tịch hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch.</i>	vào nơi cư trú trong phạm vi toàn quốc. Việc đăng ký thay đổi thông tin hộ tịch chủ yếu thực hiện trên cơ sở khai thác, đối chiếu dữ liệu hộ tịch điện tử và các chứng cứ hợp pháp do người dân cung cấp, không phụ thuộc vào địa bàn cư trú hay nơi đăng ký ban đầu, không phải xác định nội dung đăng ký mới như các việc hộ tịch khác. Trong điều kiện cơ sở dữ liệu hộ tịch được quản lý tập trung, liên thông trên phạm vi toàn quốc, mọi cơ quan đăng ký có thẩm quyền đều có thể tiếp cận đầy đủ thông tin cần thiết để xem xét, giải quyết yêu cầu, bảo đảm tính chính xác, thống nhất của thông tin hộ tịch, đồng thời tạo thuận lợi cho người dân và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.
	Điều 27. Thẩm quyền đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây hoặc nơi cư trú của cá		Quy định này đã được thu hút vào Điều 18 dự thảo Luật.

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	nhân có thẩm quyền giải quyết việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi; bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.		
	Điều 28. Thủ tục đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch 1. Người yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch nộp tờ khai theo mẫu quy định và giấy tờ liên quan cho cơ quan đăng ký hộ tịch. 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này, nếu thấy việc thay đổi, cải chính hộ tịch là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan, công chức tư pháp - hộ tịch ghi vào Sổ hộ tịch, cùng người yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch ký vào Sổ hộ tịch và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trích lục cho người yêu cầu.		Lược bỏ các quy định về thủ tục đăng ký thay đổi hộ tịch, giao Chính phủ quy định chi tiết để bảo đảm đúng nguyên tắc xây dựng Luật (Luật chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt, kịp thời, phù hợp với thực tiễn)

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	Trường hợp thay đổi, cải chính hộ tịch liên quan đến Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn thì công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung thay đổi, cải chính hộ tịch vào Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài thêm không quá 03 ngày làm việc. 3. Trường hợp đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch không phải tại nơi đăng ký hộ tịch trước đây thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao trích lục hộ tịch đến Ủy ban nhân dân nơi đăng ký hộ tịch trước đây để ghi vào Sổ hộ tịch. Trường hợp nơi đăng ký hộ tịch trước đây là Cơ quan đại diện thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao trích lục hộ tịch đến Bộ Ngoại giao để chuyển đến Cơ quan đại diện ghi vào Sổ hộ tịch.		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	Điều 29. Thủ tục bổ sung hộ tịch 1. Người yêu cầu bổ sung hộ tịch nộp tờ khai theo mẫu quy định và giấy tờ liên quan cho cơ quan đăng ký hộ tịch. 2. Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này, nếu thấy yêu cầu bổ sung hộ tịch là đúng, công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung bổ sung vào mục tương ứng trong Sổ hộ tịch, cùng người yêu cầu ký tên vào Sổ hộ tịch và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trích lục cho người yêu cầu. Trường hợp bổ sung hộ tịch vào Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn thì công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung bổ sung vào mục tương ứng và đóng dấu vào nội dung bổ sung.		Lược bỏ do đã được đưa vào phạm vi thay đổi hộ tịch, đồng thời những quy định về thủ tục, trình tự thực hiện sẽ giao Chính phủ quy định chi tiết.
	Mục 6 GHI VÀO SỔ HỘ TỊCH VIỆC THAY ĐỔI HỘ TỊCH THEO BẢN		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	ÁN, QUYẾT ĐỊNH CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN		
	Điều 30. Trách nhiệm thông báo khi có sự thay đổi hộ tịch 1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật liên quan đến thay đổi hộ tịch của cá nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Luật này, Tòa án nhân dân, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kèm theo trích lục bản án, bản sao quyết định đến Ủy ban nhân dân nơi đã đăng ký hộ tịch của cá nhân để ghi vào Sổ hộ tịch; trường hợp nơi đăng ký hộ tịch là Cơ quan đại diện thì thông báo cho Bộ Ngoại giao để chuyển đến Cơ quan đại diện ghi vào Sổ hộ tịch. 2. Trường hợp thay đổi quốc tịch thì việc thông báo được thực hiện theo quy định của pháp luật về quốc tịch.		Lược bỏ do trách nhiệm thông báo, cập nhật các thông tin hộ tịch của cá nhân được thay đổi sẽ được thực hiện thông qua việc kết nối, chia sẻ dữ liệu và nội dung này Luật sẽ giao Chính phủ quy định chi tiết; đồng thời đã được đưa vào Điều 28 dự thảo Luật.

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	Điều 31. Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền Ngay sau khi nhận được thông báo theo quy định tại Điều 30 của Luật này, công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung thay đổi vào Sổ hộ tịch theo bản án, quyết định của Tòa án nhân dân, cơ quan nhà nước có thẩm quyền.		Lược bỏ do trách nhiệm thông báo, cập nhật các thông tin hộ tịch của cá nhân được thay đổi sẽ được thực hiện thông qua việc kết nối, chia sẻ dữ liệu và nội dung này Luật sẽ giao Chính phủ quy định chi tiết.
	Mục 7 ĐĂNG KÝ KHAI TỬ		
	Điều 32. Thẩm quyền đăng ký khai tử Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng của người chết thực hiện việc đăng ký khai tử. Trường hợp không xác định được nơi cư trú cuối cùng của người chết thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó chết hoặc nơi phát hiện thi thể người chết thực hiện việc đăng ký khai	Điều 20. Đăng ký khai tử 1. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc đăng ký khai tử cho các trường hợp cá nhân chết ở trong nước; công dân Việt Nam chết ở nước ngoài, đã đưa di hài, thi hài, tro cốt về Việt Nam nhưng chưa được đăng ký khai tử tại Cơ quan đại diện, cơ quan có thẩm quyền của	- Sửa đổi quy định về thẩm quyền nhằm thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; bổ sung quy định xác định thẩm quyền giải quyết đăng ký không phụ thuộc vào nơi cư trú. Quy định thẩm quyền gắn chặt với nơi cư trú như hiện hành đã bộc lộ những hạn chế trong bối cảnh dân cư di biến động lớn, nhu cầu giải quyết thủ tục

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	tử.	<i>nước ngoài.</i> 2. Trường hợp cá nhân chết tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, đã cung cấp đủ nội dung đăng ký khai tử theo quy định, dữ liệu được kết nối, chia sẻ tự động tới hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng của người chết chủ động thực hiện đăng ký khai tử, trừ trường hợp người yêu cầu lựa chọn khác. 3. Trường hợp không thực hiện đăng ký khai tử chủ động theo quy định tại khoản 1 Điều này thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có người chết, vợ, chồng hoặc con, cha, mẹ hoặc người thân thích khác của người chết có trách nhiệm đi đăng ký khai tử; trường hợp người chết không có người thân thích thì đại diện của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm đi khai tử.	hành chính linh hoạt, thuận tiện cho người dân ngày càng tăng. Do đó, việc bổ sung quy định xác định thẩm quyền giải quyết đăng ký hộ tịch không phụ thuộc vào nơi cư trú sẽ tạo điều kiện cho người dân chủ động lựa chọn nơi thực hiện thủ tục, giảm áp lực cho cơ quan đăng ký theo địa bàn cư trú, đồng thời phù hợp với việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch thống nhất, liên thông. - Bổ sung quy định về trách nhiệm đăng ký khai tử chủ động của cơ quan nhà nước nhằm thể chế hóa chủ trương đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý hộ tịch, lấy người dân làm trung tâm phục vụ. - Bổ sung nội dung đăng ký khai tử để bảo đảm thống nhất với quy định đăng ký khai sinh, đăng ký kết hôn, là những sự kiện hộ tịch quan trọng.

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
		<i>4. Nội dung đăng ký khai tử bao gồm các thông tin cơ bản sau:</i> <i>a) Thông tin của người được khai tử: Họ, chữ đệm (nếu có), tên; ngày tháng năm sinh; giới tính; dân tộc; quốc tịch; số định danh cá nhân hoặc giấy tờ chứng minh về nhân thân; nơi cư trú cuối cùng.</i> <i>b) Thông tin về sự kiện chết: Thời gian chết; nơi chết; nguyên nhân chết (nếu có); giấy tờ chứng minh sự kiện chết.</i>	
	Điều 33. Thời hạn và trách nhiệm đăng ký khai tử 1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có người chết thì vợ, chồng hoặc con, cha, mẹ hoặc người thân thích khác của người chết có trách nhiệm đi đăng ký khai tử; trường hợp người chết không có người thân thích thì đại diện của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm đi khai tử.		Lược bỏ do quy định này đã được thu hút vào Điều 18, Điều 20 dự thảo Luật.

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	2. Công chức tư pháp - hộ tịch thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc khai tử cho người chết; trường hợp không xác định được người có trách nhiệm đi khai tử thì công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện đăng ký khai tử.		
	Điều 34. Thủ tục đăng ký khai tử 1. Người có trách nhiệm đi đăng ký khai tử nộp tờ khai theo mẫu quy định và Giấy báo tử hoặc giấy tờ khác thay giấy báo tử cho cơ quan đăng ký hộ tịch. 2. Ngay sau khi nhận giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này, nếu thấy việc khai tử đúng thì công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung khai tử vào Sổ hộ tịch, cùng người đi khai tử ký tên vào Sổ hộ tịch và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trích lục cho người đi khai tử. Công chức tư pháp - hộ tịch khóa thông tin hộ tịch của người chết trong Cơ sở		Lược bỏ các quy định về thủ tục đăng ký khai tử, giao Chính phủ quy định chi tiết để bảo đảm đúng nguyên tắc xây dựng Luật (Luật chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt, kịp thời, phù hợp với thực tiễn)

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	dữ liệu hộ tịch điện tử.		
		<i>Điều 21. Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài</i> <i>1. Các việc hộ tịch đã đăng ký, xác nhận tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài được ghi vào Sổ hộ tịch bao gồm:</i> <i>a) Việc khai sinh của công dân Việt Nam; trẻ em có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là công dân nước ngoài, được cha, mẹ thỏa thuận lựa chọn quốc tịch Việt Nam tại thời điểm ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh theo quy định của pháp luật quốc tịch;</i> <i>b) Việc kết hôn; khai tử; giám hộ; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; thay đổi thông tin hộ tịch;</i> <i>b) Việc ly hôn; hủy việc kết hôn trái pháp luật; hủy nội dung đăng ký, xác</i>	Bổ sung mới thẩm quyền này cho UBND cấp xã để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (thẩm quyền này trước đây thuộc UBND cấp huyện); quy định rõ đối tượng ghi vào sổ hộ tịch việc khai sinh để thống nhất với quy định của pháp luật quốc tịch.

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
		<i>nhận tại điểm a, b khoản này.</i> <i>2. Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền giải quyết khi cá nhân có yêu cầu hoặc chủ động ghi vào Sổ hộ tịch, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch việc hộ tịch quy định tại khoản 1 Điều này khi nhận được giấy tờ, văn bản hợp lệ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp, xác nhận.</i>	
	CHƯƠNG III ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN		Lược bỏ Chương này, thẩm quyền đăng ký hộ tịch của UBND cấp huyện được chuyển giao cho UBND cấp xã, phù hợp với quy định về tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.
	Mục 1 ĐĂNG KÝ KHAI SINH		
	Điều 35. Thẩm quyền đăng ký khai sinh Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ thực hiện		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	đăng ký khai sinh cho trẻ em trong các trường hợp sau đây: 1. Trẻ em được sinh ra tại Việt Nam: a) Có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là người nước ngoài hoặc người không quốc tịch; b) Có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam cư trú ở trong nước còn người kia là công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài; c) Có cha và mẹ là công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài; d) Có cha và mẹ là người nước ngoài hoặc người không quốc tịch; 2. Trẻ em được sinh ra ở nước ngoài chưa được đăng ký khai sinh về cư trú tại Việt Nam: a) Có cha và mẹ là công dân Việt Nam; b) Có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam.		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	Điều 36. Thủ tục đăng ký khai sinh 1. Người đi đăng ký khai sinh nộp giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật này cho cơ quan đăng ký hộ tịch. Trường hợp cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ là người nước ngoài thì phải nộp văn bản thỏa thuận của cha, mẹ về việc chọn quốc tịch cho con. Trường hợp cha, mẹ chọn quốc tịch nước ngoài cho con thì văn bản thỏa thuận phải có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước ngoài mà người đó là công dân. 2. Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này, nếu thấy thông tin khai sinh đầy đủ và phù hợp, công chức làm công tác hộ tịch ghi nội dung khai sinh theo quy định tại Điều 14 của Luật này vào Sổ hộ tịch; trường hợp trẻ em có quốc tịch nước ngoài thì không ghi nội dung quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 của Luật này.		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	Công chức làm công tác hộ tịch, người đi đăng ký khai sinh cùng ký tên vào Sổ hộ tịch. Phòng Tư pháp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy khai sinh cho người được đăng ký khai sinh. 3. Chính phủ quy định thủ tục đăng ký khai sinh đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 35 của Luật này.		
	Mục 2 ĐĂNG KÝ KẾT HÔN		
	Điều 37. Thẩm quyền đăng ký kết hôn 1. Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam thực hiện đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài; giữa công dân Việt Nam cư trú ở trong nước với công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài; giữa công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài với nhau; giữa công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài với		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	công dân Việt Nam hoặc với người nước ngoài. 2. Trường hợp người nước ngoài cư trú tại Việt Nam có yêu cầu đăng ký kết hôn tại Việt Nam thì Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú của một trong hai bên thực hiện đăng ký kết hôn.		
	Điều 38. Thủ tục đăng ký kết hôn 1. Hai bên nam, nữ nộp tờ khai theo mẫu quy định và giấy xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài xác nhận người đó không mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác mà không có khả năng nhận thức, làm chủ được hành vi của mình cho cơ quan đăng ký hộ tịch. Người nước ngoài, công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài phải nộp thêm giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân, bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu.		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này, công chức làm công tác hộ tịch có trách nhiệm xác minh, nếu thấy đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật thì Phòng Tư pháp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết. 3. Khi đăng ký kết hôn cả hai bên nam, nữ phải có mặt tại trụ sở Ủy ban nhân dân, công chức làm công tác hộ tịch hỏi ý kiến hai bên nam, nữ, nếu các bên tự nguyện kết hôn thì ghi việc kết hôn vào Sổ hộ tịch, cùng hai bên nam, nữ ký tên vào Sổ hộ tịch. Hai bên nam, nữ cùng ký vào Giấy chứng nhận kết hôn. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trao Giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên nam, nữ. 4. Chính phủ quy định bổ sung giấy tờ trong hồ sơ đăng ký kết hôn, việc phỏng vấn, xác minh mục đích kết hôn khi giải		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	quyết yêu cầu đăng ký kết hôn; thủ tục cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam để kết hôn với người nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài nhằm bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên.		
	Mục 3 ĐĂNG KÝ GIÁM HỘ		
	Điều 39. Thẩm quyền đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú của người được giám hộ hoặc người giám hộ thực hiện đăng ký giám hộ giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài cùng cư trú tại Việt Nam. Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đã đăng ký giám hộ thực hiện đăng ký chấm dứt giám hộ.		
	Điều 40. Thủ tục đăng ký giám hộ cử		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	1. Người yêu cầu đăng ký giám hộ nộp tờ khai theo mẫu quy định và văn bản cử người giám hộ theo quy định của Bộ luật dân sự cho cơ quan đăng ký hộ tịch. 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này, công chức làm công tác hộ tịch xác minh, nếu thấy đủ điều kiện theo quy định pháp luật thì ghi vào Sổ hộ tịch và cùng người đi đăng ký giám hộ ký vào Sổ hộ tịch. Phòng Tư pháp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp trích lục cho người yêu cầu.		
	Điều 41. Đăng ký giám hộ đương nhiên Thủ tục đăng ký giám hộ đương nhiên giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài cùng cư trú ở Việt Nam được áp dụng theo quy định tại Điều 21 của Luật này.		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	Điều 42. Thủ tục đăng ký chấm dứt, thay đổi giám hộ Thủ tục đăng ký chấm dứt, thay đổi giám hộ giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài được áp dụng theo quy định tại Điều 22 và Điều 23 của Luật này.		
	Mục 4 ĐĂNG KÝ NHẬN CHA, MẸ, CON		
	Điều 43. Thẩm quyền đăng ký nhận cha, mẹ, con Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú của người được nhận là cha, mẹ, con thực hiện đăng ký nhận cha, mẹ, con giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài; giữa công dân Việt Nam cư trú ở trong nước với công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài; giữa công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài với nhau; giữa công dân Việt Nam đồng thời có		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	quốc tịch nước ngoài với công dân Việt Nam hoặc với người nước ngoài; giữa người nước ngoài với nhau mà một hoặc cả hai bên thường trú tại Việt Nam.		
	Điều 44. Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con 1. Người yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con nộp tờ khai theo mẫu quy định và giấy tờ, đồ vật hoặc các chứng cứ khác để chứng minh quan hệ cha con hoặc mẹ con cho cơ quan đăng ký hộ tịch. Trường hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài hoặc giữa người nước ngoài với nhau thì người nước ngoài phải nộp thêm bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu để chứng minh về nhân thân. 2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này, công chức làm công tác hộ tịch xác minh, niêm yết việc nhận cha,		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	me, con tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp huyện trong thời gian 07 ngày liên tục, đồng thời gửi văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của người được nhận là cha, mẹ, con niêm yết trong thời gian 07 ngày liên tục tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã. 3. Phòng Tư pháp báo cáo và đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc đăng ký nhận cha, mẹ, con, nếu thấy đủ điều kiện thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết. 4. Khi đăng ký nhận cha, mẹ, con các bên phải có mặt; công chức làm công tác hộ tịch ghi vào Sổ hộ tịch, cùng các bên ký vào Sổ hộ tịch. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp trích lục cho các bên.		
	Mục 5 ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI, CẢI CHÍNH, BỔ SUNG HỘ TỊCH, XÁC ĐỊNH LẠI DÂN TỘC		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	Điều 45. Phạm vi thay đổi hộ tịch Phạm vi thay đổi hộ tịch theo quy định tại Điều 26 của Luật này.		
	Điều 46. Thẩm quyền đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc 1. Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây hoặc nơi cư trú của người nước ngoài có thẩm quyền giải quyết việc cải chính, bổ sung hộ tịch đối với người nước ngoài đã đăng ký hộ tịch tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam. 2. Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã đăng ký hộ tịch trước đây có thẩm quyền giải quyết việc thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc. 3. Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây hoặc nơi cư trú của cá nhân có thẩm quyền giải		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	quyết việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc.		
	Điều 47. Thủ tục đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc 1. Thủ tục đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch được áp dụng theo quy định tại Điều 28 của Luật này. Trường hợp yêu cầu xác định lại dân tộc thì phải có giấy tờ làm căn cứ chứng minh theo quy định của pháp luật; trình tự được thực hiện theo quy định tại Điều 28 của Luật này. 2. Thủ tục yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch được áp dụng theo quy định tại Điều 29 của Luật này.		
	Mục 6 GHI VÀO SỔ HỘ TỊCH VIỆC HỘ		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	TỊCH CỦA CÔNG DÂN VIỆT NAM ĐÃ ĐƯỢC GIẢI QUYẾT TẠI CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NƯỚC NGOÀI		
	Điều 48. Thẩm quyền ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài 1. Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh; kết hôn; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; thay đổi hộ tịch đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài. 2. Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cá nhân đã đăng ký kết hôn hoặc ghi chú việc kết hôn trước đây ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của cá nhân đã thực hiện ở nước ngoài. 3. Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	của người có trách nhiệm khai tử theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật này ghi vào Sổ hộ tịch việc khai tử đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.		
	Điều 49. Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; thay đổi hộ tịch; khai tử 1. Người yêu cầu ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; thay đổi hộ tịch; khai tử nộp tờ khai theo mẫu quy định và bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh các việc này đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho cơ quan đăng ký hộ tịch. 2. Sau khi nhận đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này, công chức làm công tác hộ tịch kiểm tra, nếu thấy yêu cầu là phù hợp thì ghi vào Sổ hộ tịch.		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	Phòng Tư pháp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp trích lục cho người yêu cầu. Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.		
	Điều 50. Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn, ly hôn, hủy việc kết hôn 1. Người yêu cầu ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn, ly hôn, hủy việc kết hôn nộp tờ khai theo mẫu quy định và bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh các việc này đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho cơ quan đăng ký hộ tịch. 2. Trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này và đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, công chức làm công tác hộ tịch ghi vào Sổ hộ tịch. Phòng Tư pháp báo cáo Chủ tịch Ủy ban		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	nhân dân cấp huyện cấp trích lục cho người yêu cầu. 3. Chính phủ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục và thời gian phối hợp giữa các cơ quan thực hiện Điều này.		
	Mục 7 ĐĂNG KÝ KHAI TỬ		
	Điều 51. Thẩm quyền đăng ký khai tử 1. Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú cuối cùng của người chết thực hiện việc đăng ký khai tử cho người nước ngoài hoặc công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài chết tại Việt Nam. 2. Trường hợp không xác định được nơi cư trú cuối cùng của người chết theo quy định tại khoản 1 Điều này thì Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi người đó chết hoặc nơi phát hiện thi thể người chết thực hiện việc đăng ký khai tử.		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	Điều 52. Thủ tục đăng ký khai tử 1. Người đi đăng ký khai tử nộp tờ khai theo mẫu quy định và Giấy báo tử hoặc giấy tờ khác thay giấy báo tử cho cơ quan đăng ký hộ tịch. 2. Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này, nếu thấy việc khai tử đúng thì công chức làm công tác hộ tịch ghi vào Sổ hộ tịch và cùng người đi khai tử ký vào Sổ hộ tịch. Phòng Tư pháp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp trích lục hộ tịch cho người đi khai tử. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc. 3. Sau khi đăng ký khai tử, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thông báo bằng văn bản kèm theo trích lục hộ tịch cho Bộ Ngoại giao để thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước mà người chết là công dân.		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	Trường hợp người chết là công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài thì công chức làm công tác hộ tịch khóa thông tin của người chết trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.		
	CHƯƠNG IV ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH TẠI CƠ QUAN ĐẠI DIỆN	Mục 3. ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH TẠI CƠ QUAN ĐẠI DIỆN	
	Điều 53. Đăng ký hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài 1. Cơ quan đại diện thực hiện đăng ký các việc hộ tịch theo quy định tại Điều 3 của Luật này cho công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài, nếu việc đăng ký đó không trái pháp luật của nước tiếp nhận và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. 2. Căn cứ quy định của Luật này, Bộ Ngoại giao phối hợp với Bộ Tư pháp hướng dẫn về thẩm quyền, thủ tục đăng ký hộ tịch, việc cấp bản sao trích lục hộ	Điều 22. Đăng ký hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài Cơ quan đại diện có thẩm quyền đăng ký các việc hộ tịch quy định tại Điều 3 của Luật này cho công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài, nếu việc đăng ký không trái pháp luật của nước sở tại và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.	Kế thừa quy định hiện hành Lược bỏ quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hộ tịch năm 2014; đưa nội dung này quy định tại Nghị định của Chính phủ để thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Công văn số 48/CV-BCĐTKNQ18 ngày 03/5/2025 (không quy định tên bộ, ngành và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của bộ, ngành trong dự thảo Luật, không phân quyền trực tiếp cho các Bộ trưởng tại Luật, bảo đảm Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực, phân công phạm vi quản lý nhà nước cho các bộ, cơ quan ngang bộ).

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài tại Cơ quan đại diện.		
	Điều 54. Công chức làm công tác hộ tịch tại Cơ quan đại diện 1. Cơ quan đại diện cử viên chức ngoại giao, lãnh sự thực hiện đăng ký hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài. 2. Viên chức ngoại giao, lãnh sự làm công tác hộ tịch ngoài điều kiện, tiêu chuẩn của viên chức ngoại giao, lãnh sự phải được bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch trước khi thực hiện nhiệm vụ đăng ký hộ tịch.	Điều 23. Người làm công tác hộ tịch tại Cơ quan đại diện 1. Cơ quan đại diện cử viên chức ngoại giao, lãnh sự thực hiện đăng ký hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài. 2. Viên chức ngoại giao, lãnh sự được cử làm công tác hộ tịch phải được bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch trước khi thực hiện nhiệm vụ đăng ký hộ tịch.	Kế thừa quy định hiện hành.
	Điều 55. Lập Sổ hộ tịch tại Bộ Ngoại giao Bộ Ngoại giao lập Sổ hộ tịch để ghi chép, cập nhật đầy đủ, quản lý thống nhất thông tin hộ tịch của công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài đã đăng ký tại Cơ quan đại diện và làm căn cứ cấp bản		Lược bỏ quy định này do Bộ Ngoại giao sẽ thực hiện theo dõi, cập nhật thông tin thông qua Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	sao trích lục hộ tịch.		
	Điều 56. Trách nhiệm báo cáo của Cơ quan đại diện Sau khi đăng ký hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài, Cơ quan đại diện có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản kèm bản sao trích lục hộ tịch về Bộ Ngoại giao để ghi vào Sổ hộ tịch và cập nhật vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.		Lược bỏ quy định này do Bộ Ngoại giao sẽ thực hiện theo dõi, cập nhật thông tin thông qua Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử
	CHƯƠNG V CƠ SỞ DỮ LIỆU HỘ TỊCH, CẤP TRÍCH LỤC HỘ TỊCH	CHƯƠNG III CƠ SỞ DỮ LIỆU HỘ TỊCH	
	Mục 1 CƠ SỞ DỮ LIỆU HỘ TỊCH		
	Điều 57. Cơ sở dữ liệu hộ tịch 1. Cơ sở dữ liệu hộ tịch là tài sản quốc gia, lưu giữ toàn bộ thông tin hộ tịch của mọi cá nhân, làm cơ sở để bảo vệ quyền,		Lược bỏ do đã được thu hút vào Điều 22 dự thảo Luật

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	lợi ích hợp pháp của cá nhân, phục vụ yêu cầu tra cứu thông tin, quản lý, hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. 2. Cơ sở dữ liệu hộ tịch bao gồm Sổ hộ tịch và Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử là căn cứ để cấp bản sao trích lục hộ tịch.		
	Điều 58. Sổ hộ tịch 1. Sổ hộ tịch là căn cứ pháp lý để lập, cập nhật, điều chỉnh thông tin hộ tịch của cá nhân trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử. Mỗi loại việc hộ tịch phải được ghi vào 01 quyển sổ, các trang phải đóng dấu giáp lai; Sổ hộ tịch được lưu giữ vĩnh viễn theo quy định của pháp luật. 2. Việc khóa Sổ hộ tịch được thực hiện vào ngày cuối cùng của năm. Khi khóa Sổ hộ tịch phải ghi rõ tổng số trang và tổng số sự kiện hộ tịch đã đăng ký; người đứng đầu cơ quan đăng ký hộ tịch		Lược bỏ do đã được thu hút vào khoản 3 Điều 5

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	ký, đóng dấu. Giấy tờ, đồ vật hoặc chứng cứ khác đã nộp khi đăng ký hộ tịch phải được lưu trữ, bảo quản theo quy định của pháp luật về lưu trữ. 3. Cơ quan đăng ký hộ tịch có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản Sổ hộ tịch, giấy tờ, đồ vật hoặc chứng cứ khác liên quan đến đăng ký hộ tịch.		
	Điều 59. Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử 1. Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử được lập để lưu giữ, cập nhật, quản lý, tra cứu thông tin hộ tịch, phục vụ yêu cầu đăng ký hộ tịch trực tuyến; được kết nối để cung cấp, trao đổi thông tin hộ tịch cơ bản của cá nhân cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. 2. Chính phủ quy định sự phối hợp giữa các bộ, cơ quan ngang bộ và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong việc quản lý, sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch	Điều 24. Xây dựng, quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch <i>1. Cơ sở dữ liệu hộ tịch là cơ sở dữ liệu quốc gia, được xây dựng tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương, do Bộ Tư pháp quản lý.</i> <i>2. Việc xây dựng Cơ sở dữ liệu hộ tịch phải bảo đảm việc mở rộng, nâng cấp, phát triển, kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu khác; bảo đảm quyền khai thác thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; bảo đảm</i>	Sửa đổi, bổ sung quy định về xây dựng, quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch, xác định CSDLHT là cơ sở dữ liệu quốc gia, được xây dựng, quản lý tập trung từ Trung ương đến địa phương do Bộ Tư pháp quản lý; được bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, có khả năng mở rộng, nâng cấp; kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu khác; bảo đảm quyền khai thác thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; bảo đảm lưu trữ đầy đủ thông tin của cá nhân trong các lần thu thập, cập nhật, điều

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	điện tử; thủ tục, trình tự đăng ký hộ tịch trực tuyến; việc kết nối, cung cấp, trao đổi thông tin giữa Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. 1. Cơ sở dữ liệu hộ tịch được quản lý, bảo mật, bảo đảm an toàn; chỉ những cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền mới được tiếp cận và khai thác theo quy định của pháp luật. 2. Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch có trách nhiệm bảo đảm bí mật cá nhân trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch.	<i>lưu trữ đầy đủ thông tin của cá nhân trong các lần thu thập, cập nhật, điều chỉnh trong cơ sở dữ liệu.</i> 3. Cơ sở dữ liệu hộ tịch được bảo mật, bảo đảm an toàn, bảo vệ dữ liệu cá nhân; chỉ những cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền mới được tiếp cận và khai thác theo quy định của pháp luật.	chỉnh trong cơ sở dữ liệu sử dụng thống nhất thuật ngữ “Cơ sở dữ liệu hộ tịch” để phù hợp với Luật Dữ liệu và Luật Giao dịch điện tử
		Điều 25. Thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch 1. Thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch bao gồm bản quét hoặc bản chụp trang Sổ hộ tịch, giấy tờ hộ tịch tương ứng đối với thông tin hộ tịch được số hóa, chuẩn hóa, thu thập theo quy định và các thông tin hộ tịch của cá nhân được xác lập,	Bổ sung mới quy định về thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch để bảo đảm giá trị pháp lý của nguồn dữ liệu tạo lập cho Cơ sở dữ liệu hộ tịch, việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thống nhất thông tin hộ tịch trong môi trường điện tử. Việc quy định rõ các loại thông tin hộ tịch phải được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch sẽ bảo đảm dữ liệu đầy đủ,

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
		<i>cập nhật khi đăng ký hộ tịch, cụ thể:</i> <i>a) Họ, chữ đệm, tên.</i> <i>b) Ngày tháng năm sinh.</i> <i>c) Nơi sinh.</i> <i>d) Giới tính.</i> <i>đ) Số định danh cá nhân</i> <i>e) Dân tộc,</i> <i>g) Quốc tịch,</i> <i>h) Quê quán</i> <i>i) Nơi cư trú</i> <i>k) Thông tin giấy tờ chứng minh về nhân thân (tên loại, số, cơ quan cấp, ngày cấp);</i> <i>l) Thời gian chết, nơi chết, nguyên nhân chết đối với đăng ký khai tử;</i> <i>m) Thông tin thay đổi về tình trạng nhân thân (mất tích, đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, có khó</i>	chính xác, có giá trị sử dụng lâu dài, làm cơ sở cho việc giải quyết thủ tục hành chính, xác thực thông tin, chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu khác, qua đó thúc đẩy chuyển đổi số và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hộ tịch.

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
		<i>khẩn trọng nhận thức, làm chủ hành vi);</i> <i>n) Họ, chữ đệm, tên, ngày tháng năm sinh, dân tộc, quốc tịch, số định danh cá nhân, nơi cư trú, thông tin giấy tờ chứng minh về nhân thân (tên loại, số, cơ quan cấp, ngày cấp) của cha, mẹ, vợ, chồng, người giám hộ, người được giám hộ, người giám sát việc giám hộ, người có yêu cầu đăng ký hộ tịch;</i> <i>o) Thông tin về cơ quan đăng ký, thời gian đăng ký, số đăng ký, họ, chữ đệm, tên, chức vụ người thực hiện đăng ký, người ký giấy tờ hộ tịch.</i> <i>2. Thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch quy định tại khoản 1 Điều này được xác lập từ các nguồn sau:</i> <i>a) Thông tin hộ tịch của cá nhân được đăng ký, bản điện tử giấy tờ hộ tịch;</i> <i>b) Thông tin hộ tịch được số hóa, chuẩn</i>	

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
		<i>hóa từ Sổ hộ tịch;</i> <i>c) Thông tin hộ tịch thu thập từ giấy tờ hộ tịch được cấp hợp lệ;</i> <i>d) Thông tin được kết nối, chia sẻ từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác;</i> <i>đ) Thông tin hộ tịch được chia sẻ, chuyển đổi, chuẩn hóa từ các phần mềm hộ tịch được thiết lập trước đây.</i>	
	Điều 60. Cập nhật, điều chỉnh thông tin hộ tịch cá nhân trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử 1. Các sự kiện hộ tịch của cá nhân ngay sau khi đăng ký vào Sổ hộ tịch đều phải được cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử. Cơ quan đăng ký hộ tịch chịu trách nhiệm về mọi thông tin hộ tịch được cập nhật trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử. 2. Trường hợp thông tin trong Cơ sở dữ		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư khác với thông tin trong Sổ hộ tịch thì phải điều chỉnh cho phù hợp với Sổ hộ tịch.		
		<i>Điều 26. Khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch</i> <i>1. Cá nhân được khai thác thông tin của mình trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch.</i> <i>2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền được khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đó.</i> <i>3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân không thuộc quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này khi khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch phải được sự đồng ý của cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch và cá nhân là chủ thể của thông tin được khai thác.</i> <i>Trường hợp khai thác thông tin của</i>	Bổ sung quy định về quyền khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu của cơ quan, tổ chức, cá nhân, phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
		<i>người chưa thành niên, người bị mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị tuyên bố mất tích, người đã chết phải được sự đồng ý của cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch và một trong những người đại diện hợp pháp, người thân thích của cá nhân đó theo quy định tại khoản 4 Điều này.</i> <i>4. Người bị mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người dưới 14 tuổi khai thác thông tin của mình thông qua người đại diện hợp pháp.</i> <i>Việc khai thác thông tin của người bị tuyên bố mất tích, người đã chết do người vợ, chồng, con đã thành niên của người đó quyết định; trường hợp không có những người này thì việc khai thác thông tin do cha, mẹ hoặc người thân thích của người bị tuyên bố mất tích,</i>	

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
		<i>người đã chết quyết định.</i>	
	Điều 61. Nguyên tắc quản lý, khai thác Cơ sở dữ liệu hộ tịch 1. Cơ sở dữ liệu hộ tịch được quản lý, bảo mật, bảo đảm an toàn; chỉ những cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền mới được tiếp cận và khai thác theo quy định của pháp luật. 2. Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch có trách nhiệm bảo đảm bí mật cá nhân trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch.		Lược bỏ điều này, do đã được thu hút vào Điều 23 dự thảo Luật.
		<i>Điều 27. Bảo vệ Cơ sở dữ liệu hộ tịch</i> <i>1. Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch có trách nhiệm sau đây:</i> <i>a) Bảo đảm an toàn các thiết bị thu thập, lưu trữ, truyền đưa, xử lý, trao đổi thông tin hộ tịch;</i> <i>c) Bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh thông tin hộ tịch trên mạng máy tính; bảo đảm an toàn thông tin lưu trữ trong</i>	Bổ sung mới để bảo đảm chặt chẽ, phù hợp với việc xây dựng Cơ sở dữ liệu hộ tịch là cơ sở dữ liệu quốc gia.

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
		<i>cơ sở dữ liệu; phòng, chống các hành vi truy nhập, sử dụng trái phép, làm hư hỏng Cơ sở dữ liệu hộ tịch.</i> <i>2. Cơ sở dữ liệu hộ tịch được lưu trữ trên thiết bị lưu trữ đã được thực hiện các biện pháp chống truy nhập trái phép thông qua hệ thống bảo mật của hệ quản trị cơ sở dữ liệu và hệ điều hành mạng.</i>	
	Mục 2 CẤP TRÍCH LỤC HỘ TỊCH		
	Điều 62. Cấp bản chính trích lục hộ tịch khi đăng ký hộ tịch 1. Khi đăng ký hộ tịch, cơ quan đăng ký hộ tịch cấp 01 bản chính trích lục hộ tịch cho người yêu cầu đăng ký hộ tịch, trừ việc đăng ký khai sinh, đăng ký kết hôn. 2. Bản chính trích lục hộ tịch được chứng thực bản sao.		Lược bỏ, dự thảo Luật quy định văn bản xác nhận hộ tịch là văn bản do cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch có thẩm quyền cấp, xác nhận tương ứng với các việc hộ tịch khác ngoài đăng ký khai sinh, đăng ký kết hôn, đăng ký khai tử. Việc cấp văn bản xác nhận hộ tịch sẽ do Chính phủ quy định để phù hợp với quan điểm xây dựng dự án Luật.

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	Điều 63. Cấp bản sao trích lục hộ tịch về sự kiện hộ tịch đã đăng ký Cá nhân không phụ thuộc vào nơi cư trú có quyền yêu cầu Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch cấp bản sao trích lục hộ tịch về sự kiện hộ tịch của mình đã được đăng ký.		Lược bỏ do việc cấp bản sao trích lục hộ tịch là việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu hộ tịch, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 25 dự thảo Luật thì nội dung này sẽ được quy định chi tiết tại Nghị định.
	Điều 64. Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch 1. Người yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch trực tiếp hoặc thông qua người đại diện gửi tờ khai theo mẫu quy định cho Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch. Trường hợp cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đề nghị cấp bản sao trích lục hộ tịch của cá nhân thì gửi văn bản yêu cầu nêu rõ lý do cho Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch. 2. Ngay sau khi nhận được yêu cầu, nếu đủ điều kiện thì Cơ quan quản lý Cơ sở		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	dữ liệu hộ tịch cấp bản sao trích lục hộ tịch cho người yêu cầu.		
	CHƯƠNG VI TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘ TỊCH, CÔNG CHỨC LÀM CÔNG TÁC HỘ TỊCH		
	Mục 1 TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘ TỊCH		Lược bỏ mục này, nội dung về trách nhiệm quản lý nhà nước về hộ tịch đã được quy định chung tại Điều 7 dự thảo Luật, bảo đảm nguyên tắc “ <i>Không quy định tên bộ, ngành và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của bộ, ngành vào trong Luật (không phân quyền trực tiếp cho các Bộ trưởng tại Luật bảo đảm Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực, thực hiện phân công phạm vi quản lý nhà nước cho các bộ, cơ quan ngang bộ)</i> ”.
	Điều 65. Trách nhiệm của Chính phủ 1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hộ tịch. Bộ Tư pháp giúp Chính		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	phủ thực hiện quản lý nhà nước về hộ tịch. 2. Nội dung quản lý nhà nước về hộ tịch bao gồm: a) Ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về đăng ký và quản lý hộ tịch; tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về hộ tịch; b) Ứng dụng công nghệ thông tin trong đăng ký và quản lý hộ tịch; xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử; c) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về đăng ký và quản lý hộ tịch; d) Thống kê hộ tịch; đ) Hợp tác quốc tế về hộ tịch.		
	Điều 66. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp Bộ Tư pháp thực hiện quản lý nhà nước về hộ tịch và có nhiệm vụ, quyền hạn		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	sau đây: - Quy định, hướng dẫn, chỉ đạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về đăng ký, quản lý hộ tịch cho công chức làm công tác hộ tịch ở trong nước; - Ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý Sổ hộ tịch, Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn, trích lục hộ tịch và các biểu mẫu hộ tịch khác; quy định cụ thể điều kiện, trình tự đăng ký khai sinh, kết hôn, khai tử lưu động; - Xây dựng và quản lý thống nhất Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử; hướng dẫn, chỉ đạo địa phương trong việc quản lý, sử dụng phần mềm đăng ký và quản lý hộ tịch, Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, cung cấp thông tin hộ tịch cơ bản của cá nhân cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; - Hàng năm tổng hợp tình hình, phân tích, đánh giá, thống kê hộ tịch báo cáo Chính phủ.		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	Điều 67. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao 1. Bộ Ngoại giao phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện quản lý nhà nước về hộ tịch tại Cơ quan đại diện và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Quy định, hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra công tác đăng ký và quản lý hộ tịch tại các Cơ quan đại diện; b) Tổ chức việc bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch cho viên chức ngoại giao, lãnh sự; c) Lập Sổ hộ tịch để quản lý thông tin hộ tịch của công dân Việt Nam đã đăng ký tại Cơ quan đại diện; d) Cập nhật, khai thác Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và cấp bản sao trích lục hộ tịch theo quy định; đ) Tổng hợp tình hình và thống kê hộ tịch của Cơ quan đại diện gửi Bộ Tư pháp theo quy định của Chính phủ. 2. Cơ quan đại diện thực hiện quản lý		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	nhà nước về hộ tịch của công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Thực hiện việc đăng ký hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về hộ tịch, pháp luật về lãnh sự và điều ước quốc tế liên quan; b) Bố trí viên chức ngoại giao, lãnh sự thực hiện nhiệm vụ đăng ký và quản lý hộ tịch tại Cơ quan đại diện; c) Quản lý, sử dụng Sổ hộ tịch và biểu mẫu hộ tịch theo quy định; d) Quản lý, cập nhật và khai thác Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và cấp bản sao trích lục hộ tịch theo quy định; đ) Báo cáo Bộ Ngoại giao nội dung đăng ký hộ tịch để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch; e) Tổng hợp tình hình và thống kê hộ tịch báo cáo Bộ Ngoại giao theo quy		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	định; g) Lưu giữ giấy tờ, đồ vật và chứng cứ khác liên quan đến đăng ký hộ tịch; h) Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về hộ tịch theo thẩm quyền. Viên chức ngoại giao, lãnh sự làm công tác hộ tịch có trách nhiệm giúp Cơ quan đại diện thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại các điểm a, c, d, đ, e và g khoản 2 Điều này.		
	Điều 68. Trách nhiệm của Bộ Công an Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành liên quan thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: 1. Bảo đảm kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử theo quy định của pháp luật; 2. Bảo đảm an ninh, an toàn thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử;		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	3. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến công tác hộ tịch.		
	Điều 69. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương 1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thực hiện quản lý nhà nước về hộ tịch tại địa phương và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Hướng dẫn, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện công tác đăng ký và quản lý hộ tịch; b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hộ tịch; c) Căn cứ quy định của Chính phủ, quyết định việc bố trí công chức làm công tác hộ tịch ở cấp huyện, cấp xã; bảo đảm cơ sở vật chất để phục vụ hoạt động đăng ký và quản lý hộ tịch; d) Quản lý, cập nhật, khai thác Cơ sở dữ		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	liệu hộ tịch điện tử theo quy định; đ) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về hộ tịch theo thẩm quyền; e) Thu hồi, hủy bỏ giấy tờ hộ tịch do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp trái quy định của Luật này, trừ trường hợp kết hôn trái pháp luật; g) Định kỳ tổ chức việc bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch cho công chức làm công tác hộ tịch; h) Tổng hợp tình hình và thống kê hộ tịch báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định. 2. Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các điểm a, b, d, đ, g và h khoản 1 Điều này. 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và những vi phạm trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch do		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	buông lỏng quản lý.		
	Điều 70. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện 1. Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quản lý nhà nước về hộ tịch tại địa phương và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Thực hiện đăng ký hộ tịch theo quy định của Luật này; b) Chỉ đạo, kiểm tra việc đăng ký và quản lý hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã; c) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về hộ tịch; d) Quản lý, sử dụng Sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch theo quy định; đ) Căn cứ quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bố trí công chức làm công tác hộ tịch;		Lược bỏ để phù hợp với quy định về tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	e) Quản lý, cập nhật, khai thác Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và cấp bản sao trích lục hộ tịch theo quy định; g) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về hộ tịch theo thẩm quyền; h) Thu hồi, hủy bỏ giấy tờ hộ tịch do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trái quy định của Luật này, trừ trường hợp kết hôn trái pháp luật; i) Tổng hợp tình hình và thống kê hộ tịch báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Chính phủ; k) Lưu trữ Sổ hộ tịch, hồ sơ đăng ký hộ tịch. 2. Phòng Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g, i và k khoản 1 Điều này. 3. Đối với đơn vị hành chính cấp huyện không có đơn vị hành chính cấp xã thì		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	ngoài việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về đăng ký và quản lý hộ tịch của Ủy ban nhân dân cấp huyện, còn thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đăng ký và quản lý hộ tịch của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại Điều 71 của Luật này. 4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và những vi phạm trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch do buông lỏng quản lý.		
	Điều 71. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã 1. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý nhà nước về hộ tịch tại địa phương và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Thực hiện đăng ký hộ tịch theo quy định của Luật này; b) Căn cứ quy định của Ủy ban nhân dân		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	cấp trên, bố trí công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện việc đăng ký hộ tịch; c) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hộ tịch; d) Quản lý, sử dụng Sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch theo quy định; đ) Quản lý, cập nhật, khai thác Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và cấp bản sao trích lục hộ tịch theo quy định; e) Tổng hợp tình hình và thống kê hộ tịch báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của Chính phủ; g) Lưu trữ Sổ hộ tịch, hồ sơ đăng ký hộ tịch; h) Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về hộ tịch theo thẩm quyền. 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc việc khai sinh, khai tử; chịu trách nhiệm về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và những vi phạm trong công tác đăng ký, quản lý hộ		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	tịch do buồng lỏng quản lý. Công chức tư pháp - hộ tịch giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các điểm a, c, d, đ, e và g khoản 1 Điều này.		
	Mục 2 CÔNG CHỨC LÀM CÔNG TÁC HỘ TỊCH		- Lược bỏ mục này để phù hợp với Luật Cán bộ, công chức, Nghị định quy định về vị trí việc làm - Các quy định về điều kiện, tiêu chuẩn của công chức thực hiện công tác hộ tịch do Chính phủ quy định để bảo đảm nguyên tắc: Luật chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt, kịp thời, phù hợp với thực tiễn.
	Điều 72. Công chức làm công tác hộ tịch		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	tịch 1. Công chức làm công tác hộ tịch bao gồm công chức tư pháp - hộ tịch ở cấp xã; công chức làm công tác hộ tịch ở Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; viên chức ngoại giao, lãnh sự làm công tác hộ tịch tại Cơ quan đại diện. 2. Công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã phải có các tiêu chuẩn sau đây: a) Có trình độ từ trung cấp luật trở lên và đã được bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch; b) Có chữ viết rõ ràng và trình độ tin học phù hợp theo yêu cầu công việc. Căn cứ điều kiện thực tế về diện tích, dân số, khối lượng công việc tư pháp, hộ tịch của địa phương, Chính phủ quy định việc bố trí công chức tư pháp - hộ tịch đảm nhiệm công tác hộ tịch chuyên trách. 3. Công chức làm công tác hộ tịch tại		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	Phòng Tư pháp phải có trình độ cử nhân luật trở lên và đã được bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch. 4. Viên chức ngoại giao, lãnh sự làm công tác hộ tịch tại Cơ quan đại diện đã được bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch.		
	Điều 73. Nhiệm vụ, quyền hạn của công chức làm công tác hộ tịch 1. Trong lĩnh vực hộ tịch, công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Tuân thủ quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan về hộ tịch; b) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp xã và pháp luật về việc đăng ký hộ tịch; c) Tuyên truyền, phổ biến, vận động nhân dân chấp hành các quy định của pháp luật về hộ tịch; d) Giúp Ủy ban nhân dân cấp xã đăng		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	ký hộ tịch kịp thời, chính xác, khách quan, trung thực; cập nhật đầy đủ các sự kiện hộ tịch đã được đăng ký vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử; đ) Chủ động kiểm tra, rà soát để đăng ký kịp thời việc sinh, tử phát sinh trên địa bàn. Đối với địa bàn dân cư không tập trung, điều kiện đi lại khó khăn, cách xa trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã cho tổ chức đăng ký lưu động đối với việc khai sinh, kết hôn, khai tử; e) Thường xuyên trau dồi kiến thức pháp luật để nâng cao năng lực và nghiệp vụ đăng ký hộ tịch; tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ do Ủy ban nhân dân hoặc cơ quan tư pháp cấp trên tổ chức; g) Chủ động báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân cùng cấp phối hợp với cơ quan, tổ chức kiểm tra, xác minh về		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	thông tin hộ tịch; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin để xác minh khi đăng ký hộ tịch; phối hợp với cơ quan Công an cùng cấp cung cấp thông tin hộ tịch cơ bản của cá nhân cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. 2. Quy định tại khoản 1 Điều này cũng được áp dụng đối với công chức làm công tác hộ tịch của Phòng Tư pháp, viên chức ngoại giao, lãnh sự làm công tác hộ tịch tại Cơ quan đại diện theo nhiệm vụ, quyền hạn của mình.		
	Điều 74. Những việc công chức làm công tác hộ tịch không được làm 1. Cửa quyền, hách dịch, sách nhiễu, trì hoãn, gây khó khăn, phiền hà, nhận hối lộ khi đăng ký, quản lý hộ tịch. 2. Thu lệ phí hộ tịch cao hơn mức quy định hoặc đặt ra các khoản thu khi đăng ký hộ tịch. 3. Đặt ra thủ tục, giấy tờ, cố ý kéo dài		

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	thời hạn giải quyết đăng ký hộ tịch trái quy định của Luật này. 4. Tẩy xóa, sửa chữa, làm sai lệch nội dung thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch. 5. Đăng ký, cấp giấy tờ về hộ tịch trái quy định của Luật này. 6. Tiết lộ thông tin liên quan đến bí mật cá nhân mà biết được qua đăng ký hộ tịch. 7. Công chức làm công tác hộ tịch vi phạm các quy định tại Điều này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.		
	CHƯƠNG VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	CHƯƠNG V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	
	Điều 75. Giá trị của Sổ hộ tịch được lập, giấy tờ hộ tịch được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực	Điều 28. Giá trị của Sổ hộ tịch được lập, giấy tờ hộ tịch được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực	Kế thừa quy định hiện hành

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	1. Sổ hộ tịch được lưu trữ trước ngày Luật này có hiệu lực vẫn có giá trị làm căn cứ chứng minh sự kiện hộ tịch của cá nhân, tra cứu, cấp bản sao trích lục hộ tịch, cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. 2. Giấy tờ hộ tịch đã cấp cho cá nhân theo quy định của pháp luật về hộ tịch trước ngày Luật này có hiệu lực vẫn có giá trị sử dụng.	1. Sổ hộ tịch được lập trước ngày Luật này có hiệu lực vẫn có giá trị làm căn cứ chứng minh các sự kiện hộ tịch của cá nhân, sử dụng để tra cứu, cấp giấy tờ hộ tịch. 2. Giấy tờ hộ tịch đã cấp cho cá nhân theo quy định của pháp luật về hộ tịch trước ngày Luật này có hiệu lực vẫn có giá trị sử dụng.	
	Điều 76. Điều khoản chuyển tiếp 1. Hồ sơ đăng ký hộ tịch được thụ lý trước ngày Luật này có hiệu lực mà chưa giải quyết xong thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật về hộ tịch tại thời điểm tiếp nhận. 2. Chính phủ quy định chi tiết việc đăng ký lại khai sinh, khai tử, kết hôn đã được đăng ký trước ngày Luật này có hiệu lực. 3. Chính phủ chỉ đạo việc rà soát, bồi		Được quy định tại Điều 30 dự thảo Luật

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	dưỡng nghiệp vụ hộ tịch, kiện toàn đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch bảo đảm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong Luật; quy định thủ tục đăng ký khai sinh, kết hôn; cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam; chế độ lập, quản lý, sử dụng Sổ hộ tịch trong giai đoạn chuyển tiếp cho đến khi xây dựng xong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, chậm nhất đến ngày 01 tháng 01 năm 2020 phải thực hiện thống nhất trên toàn quốc theo quy định của Luật này.		
	Điều 77. Hiệu lực thi hành 1. Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. 2. Chính phủ, cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Luật.	Điều 29. Hiệu lực thi hành <i>1. Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.</i> <i>2. Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.</i> <i>3. Trường hợp có quy định khác về quyền, nghĩa vụ, nguyên tắc, thẩm</i>	Luật có hiệu lực thi hành kể từ 01/3/2027 nhằm bảo đảm việc triển khai thi hành luật được hiệu quả, khả thi. Bổ sung quy định bãi bỏ cụm từ “nơi cư trú của người được giám hộ” tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Dân sự để bảo đảm thống nhất quy định về thẩm quyền đăng ký giám sát việc giám hộ

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
		<i>quyền, phương thức thực hiện đăng ký hộ tịch tại luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì thực hiện thống nhất theo quy định tại Luật này.</i> <i>4. Chính phủ chỉ đạo thực hiện, quy định chi tiết các nội dung sau đây:</i> <i>a) Rà soát, kiện toàn người làm công tác hộ tịch; quy định điều kiện, tiêu chuẩn của người làm công tác hộ tịch bảo đảm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong Luật;</i> <i>b) Quy định chi tiết Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 10, khoản 3 Điều 11, khoản 1 Điều 14, mục 1 Chương II, Chương III của Luật này; việc đăng ký lại kết hôn đã được đăng ký trước ngày Luật này có hiệu lực;</i> <i>c) Lộ trình nâng cấp Cơ sở dữ liệu hộ tịch thành cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định tại Điều 24 của Luật này; cập nhật, thu thập, làm sạch dữ liệu hộ tịch</i>	

STT	LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014	DỰ THẢO LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
		<i>lịch sử, dữ liệu hộ tịch đã được số hóa trước đây; phương thức, trình tự, thủ tục khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch để cấp bản sao giấy tờ hộ tịch, xác nhận thông tin hộ tịch; xác nhận tình trạng hôn nhân;</i> <i>d) Việc kết nối, chia sẻ, đồng bộ giữa các cơ sở dữ liệu và lộ trình thực hiện đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử chủ động; liên thông thực hiện các thủ tục hành chính về hộ tịch, cư trú, bảo hiểm.</i> <i>đ) Biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật này.</i>	
		Điều 30. Điều khoản chuyển tiếp Hồ sơ đăng ký hộ tịch được tiếp nhận trước ngày Luật này có hiệu lực mà chưa giải quyết xong thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật về hộ tịch tại thời điểm tiếp nhận.	Kế thừa quy định hiện hành